

**Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ;  
phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; khai thác hiệu quả tiềm  
năng, lợi thế, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng,  
an ninh; xây dựng tỉnh Điện Biên phát triển nhanh và bền vững**

(Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV  
tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2025 - 2030)

-----

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV là sự kiện chính trị đặc biệt quan trọng đối với Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc tỉnh Điện Biên, được tổ chức vào thời điểm có ý nghĩa quan trọng với nhiều sự kiện trọng đại, cùng cả nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên phát triển, vươn mình của dân tộc. Đại hội có nhiệm vụ tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025, xác định mục tiêu, nhiệm vụ của Đảng bộ nhiệm kỳ 2025 - 2030; thảo luận, đóng góp ý kiến dự thảo các Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV và bầu Đoàn đại biểu của tỉnh dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Tư tưởng chỉ đạo Đại hội XV là: **“ĐOÀN KẾT - KỶ CƯƠNG - ĐỔI MỚI - PHÁT TRIỂN”**.

#### **Phần thứ nhất**

### **ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XIV, NHIỆM KỲ 2020 - 2025**

Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV trong bối cảnh tình hình trong nước, khu vực và thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường, chưa có tiền lệ, cùng với thời cơ, thuận lợi còn nhiều khó khăn, thách thức đan xen.

\* *Về thời cơ, thuận lợi:* Tỉnh tiếp tục nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, toàn diện của Đảng, Nhà nước; sự hỗ trợ, ủng hộ của các ban, bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, các địa phương, các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước. Lễ Kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ được tổ chức trọng thể, các hoạt động của Năm du lịch Quốc gia - Điện Biên 2024 và các sự kiện chính trị, văn hoá được tổ chức thành công, tạo sức lan tỏa sâu rộng, góp phần quảng bá hình ảnh, khai thác tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Sau gần 40 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, 20 năm chia tách, thành lập tỉnh đã có những thay đổi vượt bậc, đáng tự hào trên mảnh đất Điện Biên Phủ anh hùng. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an

toàn xã hội trên địa bàn tỉnh ổn định. Những thành tựu trong phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh là nền tảng quan trọng, vững chắc tạo đà phát triển của tỉnh trong thời gian tới.

*\* Về khó khăn, thách thức:* Tình hình địa chính trị thế giới và khu vực diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường; đại dịch Covid-19 đầu nhiệm kỳ, thiên tai, biến đổi khí hậu ngày càng bất thường đã tác động ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất, đời sống của Nhân dân và việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của tỉnh. Tình hình tội phạm, nhất là tội phạm ma túy vẫn còn diễn biến phức tạp; tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo còn cao; chất lượng nguồn nhân lực, mặt bằng dân trí còn thấp, chênh lệch lớn giữa các vùng đô thị và nông thôn; nguồn lực đầu tư còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển...

Trong bối cảnh đó, Đảng bộ, chính quyền, lực lượng vũ trang và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh luôn đoàn kết, thống nhất, chủ động, nỗ lực vượt qua khó khăn, thách thức, lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện các lĩnh vực và đạt nhiều kết quả quan trọng, góp phần thúc đẩy Điện Biên phát triển nhanh và bền vững.

## **I- KẾT QUẢ THỰC HIỆN 3 ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC, CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM**

### **1. Thực hiện 3 đột phá chiến lược**

#### ***1.1. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng và đô thị theo hướng hiện đại***

Trong nhiệm kỳ, Tỉnh ủy đã lãnh đạo tập trung nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại, tạo nền tảng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống Nhân dân.

Hạ tầng giao thông được quan tâm đầu tư, từng bước hoàn thiện theo quy hoạch, nhiều dự án trọng điểm được triển khai, hoàn thành, góp phần quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, như: Mở rộng Cảng hàng không Điện Biên; các tuyến đường kết nối trục quốc lộ 279, quốc lộ 12; đường 7 tháng 5,... Tích cực triển khai lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án Cao tốc Sơn La - Điện Biên - Cửa khẩu Tây Trang, giai đoạn 1. Đến năm 2025, toàn tỉnh có 9.212 km đường giao thông, tăng 874 km so với năm 2020; 96,5% xã có đường ô tô đến trung tâm đi lại quanh năm, cơ bản đạt mục tiêu Nghị quyết (MTNQ) 100% đề ra.

Hệ thống thủy lợi tiếp tục được đầu tư nâng cấp, một số công trình quy mô lớn từng bước được hoàn thành, như: Dự án quản lý đa thiên tai lưu vực sông Nậm Rốm, hồ Huổi Trạng Tai, hồ Bản Phủ, hồ Nậm Là,... góp phần bảo đảm an toàn dân sinh, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển sản xuất. Tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch đạt 99,8% (cơ bản đạt MTNQ 100%), tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 92,65% (vượt 7,65 điểm % MTNQ).

Nguồn điện và mạng lưới truyền tải được mở rộng, đưa vào khai thác 12 công

trình thủy điện, tổng công suất đạt 300 MW, tăng 38% so với năm 2020. Dự án cấp điện nông thôn từ điện lưới quốc gia và Chương trình “Bùng sáng Điện Biên” được triển khai hiệu quả, nâng tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia đạt 96,2% vào năm 2025 (chưa đạt MTNQ 98%).

Hạ tầng xã hội và hạ tầng số được đầu tư đồng bộ, toàn tỉnh có 477 cơ sở giáo dục với 7.806 phòng học (78% kiên cố), 3.870 phòng nội trú (60,7% kiên cố); hệ thống y tế cơ bản hoàn thiện, 100% trạm y tế đạt chuẩn theo quy định. Tỷ lệ phủ sóng 3G/4G đạt 94,2%; tỷ lệ người sử dụng Internet đạt 72%; 72,1% người dân có điện thoại thông minh; nhiều nền tảng số, cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành được xây dựng, phát triển và đưa vào khai thác sử dụng có hiệu quả. Nhiều công trình văn hóa, thể thao, du lịch trọng điểm được xây dựng như: Đền thờ liệt sỹ tại Chiến trường Điện Biên Phủ, Bức tranh Panorama trong Bảo tàng Chiến thắng Điện Biên Phủ, Khu tưởng niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Khu Trung tâm Thể dục thể thao,...; đang tích cực triển khai xây dựng Đền thờ Đức Thánh Trần tại di tích Đồi Cháy.

Công tác quy hoạch đô thị được đẩy mạnh, nhất là khu vực thành phố Điện Biên Phủ, trung tâm các huyện; tỷ lệ đô thị hoá đạt 26%.

### ***1.2. Ban hành cơ chế, chính sách tạo động lực cho đầu tư phát triển***

Lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hóa các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, tài nguyên môi trường, doanh nghiệp,... Các nghị quyết, chương trình hành động, kế hoạch của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cùng với các cơ chế, chính sách do HĐND tỉnh và UBND tỉnh ban hành đã tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện, thu hút các nhà đầu tư trong nước và ngoài nước đến nghiên cứu, đề xuất và triển khai thực hiện các dự án đầu tư phát triển đô thị, năng lượng, trồng rừng, trồng cây mắc ca, trồng cây dược liệu,...

### ***1.3. Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển***

Lãnh đạo thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 29/7/2021 của Tỉnh ủy về phát triển nguồn nhân lực, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật, tay nghề của người lao động, chuyển dịch cơ cấu lao động theo đúng định hướng. Công tác đào tạo nghề gắn với nhu cầu thị trường lao động được chú trọng, chất lượng giáo dục, đào tạo và dạy nghề được nâng cao<sup>1</sup>; tập trung triển khai thực hiện thành lập phân hiệu Đại học Thái Nguyên, Đại học FPT tại tỉnh, Trường Cao đẳng Điện Biên<sup>2</sup>, đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế

<sup>1</sup> Quy mô tuyển sinh, đào tạo của các cơ sở thực hiện chức năng giáo dục nghề nghiệp đạt 10.000 người/năm, cơ bản đáp ứng nhu cầu học nghề của người lao động trên địa bàn tỉnh.

<sup>2</sup> Sắp nhập Trường Cao đẳng Nghề Điện Biên vào trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên và đổi tên thành Trường Cao đẳng Điện Biên.

- xã hội của tỉnh và khu vực.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp được quan tâm, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. 100% cán bộ lãnh đạo, quản lý từ phó trưởng phòng trở lên có trình độ đại học, được đào tạo lý luận chính trị, bồi dưỡng về quản lý nhà nước; 100% cán bộ, công chức cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; 100% cán bộ chuyên trách cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị (đạt MTNQ).

## **2. Xây dựng các đề án, chương trình trọng điểm**

Tỉnh uỷ đã ban hành Chương trình hành động số 01-CTr/TU, ngày 12/01/2021, các nghị quyết chuyên đề cụ thể hoá 12 chương trình trọng điểm và 08 nhiệm vụ trọng tâm theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh. Căn cứ yêu cầu của Trung ương và tình hình thực tế, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ban hành 07 nghị quyết chuyên đề, 09 chương trình hành động, 14 đề án, 180 kế hoạch và nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo trên các lĩnh vực. Các văn bản được ban hành kịp thời, sát thực tiễn, góp phần lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra.

## **II- KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**

### **1. Về phát triển kinh tế**

#### ***1.1. Kinh tế tiếp tục tăng trưởng, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo đúng định hướng, thu, chi ngân sách cơ bản đáp ứng yêu cầu***

Công tác lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế được tập trung thực hiện thường xuyên, quyết liệt, bằng nhiều giải pháp và đạt kết quả tích cực. Kinh tế tiếp tục tăng trưởng khá so với bình quân khu vực. Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) năm 2025 (theo giá so sánh) ước đạt 17.970 tỷ đồng; tăng trưởng bình quân 8,76%/năm (vượt 1,76 điểm % MTNQ); GRDP bình quân đầu người ước đạt 54 triệu đồng, tăng 62,79% so với năm 2020 (đạt 89,79% MTNQ). Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, năm 2025 khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 13,65%, giảm 2,77 điểm %; công nghiệp - xây dựng chiếm 23,12%, tăng 1,17 điểm %; dịch vụ chiếm 59,11%, giảm điểm 0,81% so với năm 2020.

Tổng thu ngân sách địa phương đạt 77.089,83 tỷ đồng; thu ngân sách trên địa bàn năm 2025 đạt 2.062,3 tỷ đồng (đạt 103,11% MTNQ). Tổng chi ngân sách đạt 76.024,64 tỷ đồng, tăng bình quân 4,87%/năm; cơ cấu chi chuyển dịch theo hướng tích cực.

#### ***1.2. Cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh có nhiều chuyển biến tích cực***

Nhiệm vụ cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh được chỉ đạo tổ chức đồng bộ từ cấp tỉnh đến cơ sở và có chuyển biến rõ nét, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; các chỉ

số về cải cách hành chính, môi trường đầu tư kinh doanh (PAR Index, PCI, PAPI) năm 2023 và năm 2024 được cải thiện khá so với thời gian đầu nhiệm kỳ. Môi trường đầu tư, kinh doanh tiếp tục được cải thiện, đã thu hút thêm nhiều doanh nghiệp và nhà đầu tư trên các lĩnh vực, góp phần từng bước khai thác các tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

### ***1.3. Tập trung thực hiện cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới***

Ngành nông nghiệp được cơ cấu lại theo hướng phát triển lĩnh vực và nhóm sản phẩm chủ lực, gắn với nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả. Việc ứng dụng khoa học, công nghệ, đầu tư quy mô trong sản xuất được đẩy mạnh; thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông, lâm nghiệp có nhiều chuyển biến tích cực. Cơ cấu cây trồng tiếp tục chuyển dịch theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị; từng bước hình thành các vùng sản xuất tập trung gắn với xây dựng cơ sở chế biến một số sản phẩm chủ lực như lúa, gạo, chè, cà phê, mắc ca, cao su,...<sup>3</sup>. An ninh lương thực được bảo đảm, tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 288,76 ngàn tấn (vượt 3,13% MTNQ); tốc độ phát triển đàn gia súc bình quân đạt 2,6% (chưa đạt MTNQ 3,5%/năm). Các nguồn lực đầu tư, nhất là nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia, được huy động và sử dụng hiệu quả; hình thức liên kết sản xuất từng bước hình thành, góp phần tạo việc làm, nâng thu nhập cho lao động nông thôn. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 45,5% (đạt MTNQ).

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được triển khai toàn diện và đạt nhiều kết quả tích cực. Toàn tỉnh có 02 đơn vị cấp huyện (*thành phố Điện Biên Phủ, thị xã Mường Lay trước khi sắp xếp chính quyền 2 cấp*) đủ điều kiện công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (đạt MTNQ); 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, 06 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 54/115 xã đạt chuẩn nông thôn mới và cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới (vượt MTNQ); số tiêu chí bình quân đạt 15,46 tiêu chí/xã; có 267 thôn, bản được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và nông thôn mới kiểu mẫu.

### ***1.4. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp***

Sản xuất công nghiệp được ưu tiên thu hút đầu tư, tiếp tục duy trì tăng trưởng ổn định, góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Dự kiến giá trị sản xuất công nghiệp năm 2025 đạt 4.486 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân 10,69%/năm (đạt MTNQ). Chỉ số sản xuất công nghiệp giai đoạn 2021-2025 tăng bình quân 12,82%/năm. Tỉnh tập trung thu hút đầu tư các dự án sản xuất năng lượng<sup>4</sup>,

<sup>3</sup> Tổng diện tích cây cao su, cà phê, chè đến năm 2025 đạt 11.200,96 ha, tăng 2.244,46 ha so với đầu nhiệm kỳ. Sản lượng cà phê nhân ước đạt 23,28 nghìn tấn, đạt 172,43% kế hoạch; sản lượng mủ cao su ước đạt 26,75 nghìn tấn, đạt 99,11% kế hoạch. Tập trung phát triển cây mắc ca, lũy kể đến nay đã trồng được 10.632,24 ha. Bước đầu hình thành một số mô hình liên kết giữa nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp (*với hơn 200 dự án được duyệt*); một số sản phẩm được xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý (*chè Tủa Chùa, cà phê Mường Ảng,...*).

<sup>4</sup> Đã triển khai 14 dự án thủy điện có tổng công suất 218,5 MW với tổng vốn đầu tư hơn 7.917 tỷ đồng.

nhận được sự quan tâm từ nhiều nhà đầu tư và được bổ sung vào Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Lĩnh vực chế biến nông, lâm sản đã thu hút đầu tư, đưa vào hoạt động 04 nhà máy chế biến<sup>5</sup>. Các hoạt động hỗ trợ phát triển tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn được triển khai liên tục.

### ***1.5. Phát triển toàn diện ngành thương mại, dịch vụ, du lịch***

Dịch vụ, thương mại phát triển nhanh chóng, đa dạng cả về số lượng và chất lượng, bảo đảm cân đối cung-cầu và bình ổn giá cả hàng hóa thiết yếu. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2025 ước đạt 27.500 tỷ đồng (vượt 11,33% MTNQ). Hoạt động xuất nhập khẩu giữ mức tăng trưởng ổn định, giá trị xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ ước đến năm 2025 đạt 95 triệu USD (đạt MTNQ).

Du lịch được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đồng bộ quyết liệt theo định hướng xác định và đạt nhiều kết quả quan trọng. Không gian du lịch mở rộng, nhiều sản phẩm và điểm đến mới được đầu tư, nâng cấp, hình thành các sản phẩm du lịch đặc trưng, chất lượng và có tính cạnh tranh cao. Nhiều sự kiện quốc gia, quốc tế được đăng cai tổ chức thành công, thu hút lượng lớn du khách. Giai đoạn 2021-2025, tỉnh đón hơn 5,45 triệu lượt khách, tổng thu từ du lịch ước đạt trên 9.400 tỷ đồng; năm 2025, dự kiến đón hơn 1,45 triệu lượt khách (vượt 11,5% MTNQ), tổng doanh thu du lịch đạt 2.400 tỷ đồng (đạt 100% MTNQ).

### ***1.6. Huy động, quản lý, sử dụng hiệu quả, hợp lý các nguồn lực cho đầu tư phát triển***

Công tác huy động vốn từ các thành phần kinh tế và xã hội hóa đạt kết quả quan trọng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị; tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2021-2025 ước đạt trên 95.000 tỷ đồng, tăng 88,99% so với giai đoạn 2016-2020 (đạt 100% MTNQ). Cơ cấu vốn đầu tư có sự thay đổi tích cực, tỷ trọng vốn ngoài ngân sách nhà nước tiếp tục tăng, năm 2025 ước đạt 54,5%, tăng 2,34% so với năm 2020.

### ***1.7. Phát triển các vùng kinh tế trên cơ sở tiềm năng, thế mạnh; khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế phát triển***

Vùng động lực dọc Quốc lộ 279 đã thu hút các dự án lớn, quan trọng, tạo lan tỏa, trở thành một trong những trục kinh tế động lực chính của vùng. Tăng cường phối hợp với các tỉnh lân cận trong hợp tác phát triển các ngành, lĩnh vực, đặc biệt là kinh tế, văn hóa, du lịch với các địa phương trong nước<sup>6</sup>. Tổ chức sắp xếp lại các

<sup>5</sup> Nhà máy thu mua và chế biến cà phê Việt Bắc; 03 dự án theo chủ trương đầu tư dự kiến hoàn thành trong 2025 gồm: Dự án nhà máy chế biến tinh bột sắn tại Điện Biên; Dự án nhà máy chế biến tinh bột sắn BHL Điện Biên và Dự án Nhà máy chế biến mù cưa su.

<sup>6</sup> Giữa tỉnh Điện Biên với các địa phương: Hà Nội, Quảng Ninh, Thanh Hóa và mở rộng, ký kết hợp tác phát triển du lịch giữa 8 tỉnh Tây Bắc và thành phố Hồ Chí Minh.

doanh nghiệp nhà nước theo kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt<sup>7</sup>; khuyến khích, hỗ trợ kinh tế tập thể, tư nhân, các hợp tác xã, hộ kinh doanh thông qua việc tạo hành lang pháp lý thuận lợi để các thành phần kinh tế phát triển cả về số lượng, quy mô và loại hình. Dự ước hết năm 2025, toàn tỉnh có 1.450 doanh nghiệp, tăng 30,03%, với tổng vốn điều lệ đăng ký 34.000 tỷ đồng, tăng 63,64% so với năm 2020; có 370 hợp tác xã, tăng 1,57 lần so với năm 2020, với tổng vốn điều lệ đăng ký 1.020 tỷ đồng; có 20.000 hộ kinh doanh, tổng vốn điều lệ đăng ký trên 2.000 tỷ đồng.

### ***1.8. Quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu đạt nhiều kết quả***

Nhiệm vụ bảo vệ môi trường, quản lý sử dụng tài nguyên được tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát, hiệu lực, hiệu quả quản lý được nâng cao<sup>8</sup>. Các chính sách cụ thể hóa quy định pháp luật về đất đai, tài nguyên, môi trường được kịp thời ban hành. Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, thu hồi, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từng bước đi vào nề nếp, ý thức chấp hành pháp luật của người dân, doanh nghiệp được nâng lên. Các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai và Chiến lược tăng trưởng xanh được triển khai hiệu quả. Thu gom, xử lý chất thải rắn ở đô thị được thực hiện tốt, tỷ lệ thu gom, xử lý đạt 96% (vượt MTNQ).

### ***1.9. Đầu tư công được thực hiện hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, nhiều dự án trọng điểm được hoàn thành***

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, đổi mới tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công theo hướng trọng tâm, trọng điểm, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực<sup>9</sup>. Đẩy mạnh phân cấp, xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; bảo đảm phân bổ vốn công khai, minh bạch; ưu tiên nguồn lực cho các công trình trọng điểm<sup>10</sup>, nhất là hạ tầng giao thông, nông nghiệp, y tế, giáo dục<sup>11</sup>,... tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021- 2025.

<sup>7</sup> Giai đoạn 2022-2025, tỉnh tiếp tục duy trì 02 công ty trách nhiệm hữu hạn 01 thành viên 100% vốn nhà nước, giữ nguyên phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần cấp nước Điện Biên và thoái vốn nhà nước tại 05 doanh nghiệp; tiếp tục chuyển đổi Ban quản lý bến xe khách tỉnh thành công ty cổ phần.

<sup>8</sup> Hoàn thiện quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện; phê duyệt 48 báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp Giấy phép môi trường cho 22 dự án, cơ sở; cấp 14 Giấy phép thăm dò khoáng sản, 10 Giấy phép khai thác khoáng sản, 17 Giấy phép tài nguyên nước; phê duyệt 05 phương án cấm mốc bảo vệ hành lang nguồn nước; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, ứng phó với thiên tai.

<sup>9</sup> Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 do tỉnh quản lý là 18.513,8 tỷ đồng.

<sup>10</sup> Dự án Đường động lực; dự án đầu tư xây dựng mở rộng Cảng hàng không Điện Biên; các dự án trong kế hoạch di chuyển trung tâm chính trị, hành chính tỉnh; các tuyến đường giao thông kết nối trên địa bàn các huyện;...

<sup>11</sup> Trong cơ cấu đầu tư công giai đoạn 2021-2025, lĩnh vực giao thông chiếm khoảng 20,8% vốn trong cơ cấu sử dụng vốn ngân sách địa phương; chiếm khoảng 43,5% vốn trong cơ cấu sử dụng vốn ngân sách trung ương; lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, bảo vệ môi trường chiếm khoảng 8,9% trong cơ cấu sử dụng vốn ngân sách địa phương, chiếm khoảng 12,2% trong cơ cấu sử dụng vốn ngân sách trung ương; lĩnh vực giáo dục đào tạo chiếm khoảng 12% trong cơ cấu sử dụng vốn ngân sách địa phương.

### ***1.10. Thu hút tốt các dự án đầu tư từ các thành phần kinh tế***

Thường xuyên chỉ đạo rà soát công tác thu hút đầu tư, nhất là các dự án trọng điểm, đạt nhiều kết quả tích cực. Nhiều nhà đầu tư lớn đến khảo sát, đề xuất và triển khai dự án, nhất là trong các lĩnh vực đô thị, thương mại, dịch vụ, nông nghiệp. Giai đoạn 2021 - 2024, tỉnh cấp Giấy chứng nhận và quyết định chủ trương đầu tư cho 66 dự án, tổng vốn đăng ký trên 25.690 tỷ đồng. Lũy kế đến nay, có 212 dự án đầu tư đăng ký với tổng vốn trên 50.730 tỷ đồng; trong đó 123 dự án đã hoàn thành, đưa vào hoạt động với vốn khoảng 13.380 tỷ đồng.

### ***1.11. Phát triển kinh tế - xã hội tỉnh đặt trong mối liên kết tổng thể phát triển của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ***

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả Chương trình hành động số 03-CTr/TU triển khai Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được đặt trong tổng thể phát triển vùng. Chủ động rà soát, tham gia xây dựng Quy hoạch vùng và đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù. Tiếp tục ưu tiên nguồn lực đầu tư hạ tầng xã hội gắn với liên kết vùng. Phối hợp chặt chẽ với các tỉnh: Sơn La, Lai Châu trong thực hiện các dự án hạ tầng kết nối, liên kết phát triển, nhất là phát triển du lịch.

## **2. Về văn hoá - xã hội**

### ***2.1. Quy mô, chất lượng giáo dục và đào tạo được nâng lên***

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo được chú trọng, phát triển đồng bộ về quy mô và chất lượng, đáp ứng yêu cầu học tập và phát triển nguồn nhân lực. Mạng lưới trường, lớp được sắp xếp tinh gọn, phù hợp điều kiện thực tiễn. Tỷ lệ huy động học sinh các cấp đến trường tăng; chương trình giáo dục phổ thông 2018 thực hiện đúng lộ trình. Tỉnh đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2, phổ cập tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3 (đạt MTNQ); trên 80% trường đạt chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng (vượt MTNQ). Đội ngũ cán bộ, giáo viên được bồi dưỡng thường xuyên; cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được đầu tư cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy và học của giáo viên, học sinh. Hợp tác quốc tế trong giáo dục được tăng cường.

### ***2.2. Nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số được đẩy mạnh***

Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ được đẩy mạnh, gắn với sản xuất và đời sống, góp phần nâng cao năng suất lao động, chất lượng và sức cạnh tranh sản phẩm. Kết quả nghiên cứu bám sát thực tiễn, có khả năng ứng dụng cao, phục vụ xây dựng chính sách, chương trình phát triển kinh tế -

xã hội và giải pháp quản lý trên một số lĩnh vực, tạo việc làm, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm<sup>12</sup>. Chuyển đổi số được đẩy mạnh tổng thể, toàn diện trên cả 3 trụ cột chính quyền số, kinh tế số, xã hội số<sup>13</sup>.

### **2.3. Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân được chú trọng**

Mạng lưới cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ y tế được quan tâm ưu tiên đầu tư phát triển, chất lượng khám, chữa bệnh được nâng lên<sup>14</sup>; thực hiện tốt chế độ chính sách về bảo hiểm y tế cho bệnh nhân, tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 98% (cơ bản đạt MTNQ 99%). Chủ động, tích cực, bảo đảm các điều kiện để phòng, chống, kiểm soát dịch hiệu quả, đặc biệt là phòng, chống đại dịch Covid-19. Quy mô dân số trung bình năm 2025 đạt trên 66 vạn (đạt MTNQ), tốc độ tăng dân số 1,61%/năm (chưa đạt MTNQ); 95,35% xã, phường đạt tiêu chí quốc gia về y tế (vượt MTNQ). Công tác tiêm chủng mở rộng, chăm sóc sức khỏe sinh sản, trẻ em, bảo đảm an toàn thực phẩm và phòng, chống bệnh truyền qua thực phẩm được thực hiện hiệu quả.

### **2.4. Phát triển văn hoá, thể thao có nhiều chuyển biến tiến bộ**

Lãnh đạo thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 29/7/2021 của Tỉnh uỷ về bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc tỉnh, kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Công tác phát triển văn hóa có chuyển biến mạnh mẽ, nhận thức về vai trò của văn hóa ngày càng sâu sắc, các hoạt động văn hóa phong phú, hấp dẫn, đáp ứng nhu cầu xã hội và mong muốn của Nhân dân; tỷ lệ hộ gia đình văn hoá đạt 75,8%, thôn, bản, tổ dân phố văn hoá đạt 65,3%, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được công nhận đạt chuẩn văn hoá đạt 95% (vượt MTNQ). Công tác bảo tồn, phát huy văn hóa dân tộc gắn với phát triển kinh tế - xã hội được chú trọng, đặc biệt là di tích Chiến trường Điện Biên Phủ. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục duy trì rộng khắp. Thể dục thể thao quần chúng được đẩy mạnh; thể thao thành tích cao từng bước được đầu tư, đạt kết quả tích cực; tổ chức thành công nhiều giải thể thao cấp quốc gia<sup>15</sup>.

### **2.5. Hoạt động thông tin - truyền thông, báo chí phát huy tốt vai trò, hiệu quả**

Công tác truyền thông, báo chí tiếp tục phát huy vai trò quan trọng trong việc tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là tuyên truyền các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước, hoạt

<sup>12</sup> Đã chuyển giao 26 kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; chuyển giao 52 quy trình công nghệ về trồng trọt, chăn nuôi, đào tạo cho 93 cán bộ kỹ thuật viên thuộc các doanh nghiệp, hợp tác xã và hơn 1.400 lượt người dân trên địa bàn tỉnh.

<sup>13</sup> Tỷ lệ văn bản điện tử, ký số đạt 98%. Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến trên 75%. Quy mô kinh tế số đạt 12% GRDP tỉnh. Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VnID) đạt trên 99%. Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ ứng dụng công nghệ số đạt trên 50%.

<sup>14</sup> Đạt 13 bác sĩ/vạn dân.

<sup>15</sup> Tiêu biểu như Cuộc đua xe đạp toàn quốc tranh “Cúp Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ 36 - 2024; Giải THACO Marathon Vì an toàn giao thông - Điện Biên Phủ 2024; Cuộc đua xe đạp “Về Điện Biên Phủ - 2024, Cúp Báo Quân đội nhân dân” các chặng đua tại tỉnh; Giải vô địch Karate quốc gia lần thứ XXXIII năm 2024;...

động Kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ và Năm Du lịch Quốc gia - Điện Biên 2024. Báo chí, phát thanh, truyền hình tuân thủ tôn chỉ, mục đích, chất lượng được nâng lên đáp ứng nhu cầu thông tin của Đảng bộ và Nhân dân.

Nhiệm vụ chuyển đổi số đạt kết quả rõ nét, hoàn thành đầu tư Trung tâm giám sát điều hành đô thị thông minh, Cổng dữ liệu mở và cơ sở dữ liệu chuyên ngành dùng chung. Hạ tầng bưu chính, viễn thông được mở rộng, chất lượng dịch vụ được nâng cao, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và phát triển kinh tế số, nhất là thương mại điện tử.

## ***2.6. Thực hiện hiệu quả các chính sách an sinh xã hội gắn với giảm nghèo, giải quyết việc làm, các vấn đề xã hội và bình đẳng giới***

Công tác giải quyết việc làm mới, đào tạo nghề cho người lao động được chú trọng triển khai thực hiện có hiệu quả, giải quyết việc làm mới cho 9.200 lao động/năm (vượt 15% MTNQ); tổ chức tuyển sinh, đào tạo nghề cho 8.700 lao động/năm (đạt MTNQ)<sup>16</sup>. Đời sống của Nhân dân từng bước được cải thiện; thực hiện đồng bộ, hiệu quả các cơ chế, chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội, đặc biệt trong nhiệm kỳ hoàn thành hỗ trợ làm nhà Đại đoàn kết cho trên 12.200 hộ nghèo; hoàn thành mục tiêu đưa 02 huyện thoát nghèo (*Tuần Giáo và Mường Ảng*). Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều năm 2025 còn 17,66%, giảm bình quân 3,97%/năm, trong đó các huyện nghèo giảm bình quân 5,5%/năm. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, ưu đãi người có công và bảo đảm bình đẳng giới trong đời sống xã hội.

## ***2.7. Thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo***

Lãnh đạo, chỉ đạo triển khai hiệu quả các chương trình, dự án, chính sách giảm nghèo bền vững; đời sống đồng bào dân tộc, nhất là vùng khó khăn, vùng cao, biên giới không ngừng được nâng lên. Công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo được tăng cường; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được bảo đảm, các hoạt động tôn giáo diễn ra đúng quy định của pháp luật<sup>17</sup>. Tăng cường tuyên truyền, phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại các âm mưu kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

## **3. Những vấn đề mới, đột phá, nổi bật trong nhiệm kỳ 2020-2025**

(1)- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và vai trò của cấp ủy các cấp trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, đã thành lập các ban chỉ đạo thực hiện các chương trình, dự án trọng điểm do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy là trưởng ban chỉ đạo để kịp thời giải quyết, xử lý dứt điểm các khó khăn, vướng mắc, tồn đọng kéo dài; trong nhiệm kỳ nhiều

<sup>16</sup> Dự ước năm 2025, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65,1%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ đạt 40%. Thất nghiệp khu vực thành thị giảm từ 3,15% (năm 2019) xuống 0,42% (năm 2024).

<sup>17</sup> Giai đoạn 2020-2025, toàn tỉnh đã công nhận 7.524 lượt người có uy tín và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho người có uy tín với kinh phí trên 12 tỷ đồng. Tổ chức thành công Hội nghị biểu dương người có uy tín, già làng, trưởng dòng họ, nhân sĩ trí thức, doanh nhân tiêu biểu các dân tộc thiểu số tỉnh Điện Biên, năm 2022 và Đại hội Đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh Điện Biên lần thứ IV, năm 2024. Đã đấu tranh, xoá bỏ các tà đạo “Giê sù”, “Bà cô Dọ”, “Hội thánh của Đức Chúa trời mẹ”...

công trình, dự án được hoàn thành, đưa vào khai thác<sup>18</sup>, tiêu biểu là Dự án mở rộng Cảng hàng không Điện Biên (tháng 12/2023); kêu gọi, thu hút đầu tư và đưa vào khai thác, sử dụng nhiều công trình dự án của các thành phần kinh tế, các dự án đầu tư từ nguồn vốn xã hội hóa<sup>19</sup>, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư, phát triển du lịch của tỉnh.

(2)- Chương trình hỗ trợ làm nhà Đại đoàn kết cho hộ nghèo, hộ cận nghèo là một trong những nhiệm vụ quan trọng chào mừng Kỷ niệm 70 năm chiến thắng Điện Biên Phủ do tỉnh đề xuất, với sự quan tâm đặc biệt của Trung ương, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cấp uỷ, chính quyền, đoàn thể, người dân, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, giai đoạn 2021-2025 tỉnh đã hỗ trợ sửa chữa, làm mới trên 12.200 nhà ở với tổng kinh phí trên 580 tỷ đồng, được Trung ương đánh giá cao và nhân rộng mô hình trên toàn quốc.

(3)- Lễ Kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ và Năm du lịch Quốc gia - Điện Biên 2024 được tổ chức trọng thể, chu đáo, an toàn, hiệu quả và nhận được sự quan tâm, tham dự của các đại biểu, khách quý cùng đông đảo Nhân dân, du khách trong nước và ngoài nước, tạo sức lan tỏa lớn, góp phần quảng bá hình ảnh, mảnh đất, con người Điện Biên, tạo động lực thúc đẩy du lịch phát triển nói riêng và kinh tế - xã hội của Điện Biên nói chung.

(4)- Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia - Chương trình “Bùng sáng Điện Biên” và Dự án Bảo tồn, tôn tạo Trung tâm Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, kết hợp với cải tạo lại hệ thống cây xanh tại các điểm di tích được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để khởi động, công bố trước Lễ Kỷ niệm 70 năm chiến thắng Điện Biên Phủ với tổng mức đầu tư 1.519,5 tỷ đồng là nguồn lực quan trọng của Đảng và Nhà nước giành cho tỉnh.

(5)- Chủ động đề xuất, triển khai dự án cao tốc Mộc Châu - Sơn La - Điện Biên - Cửa khẩu Tây Trang; cải tạo nâng cấp các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ và các tuyến giao thông động lực là nền tảng tạo đà cho thu hút đầu tư và tăng trưởng trong giai đoạn tới. Cơ bản hoàn thiện các thủ tục nâng cấp lối mở A Pa Chải - Long Phú thành cửa khẩu song phương. Chủ động hoàn thiện thủ tục mở phân hiệu Đại học Thái Nguyên, Đại học FPT tại Điện Biên.

### **III- KẾT QUẢ CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ ĐỐI NGOẠI**

#### **1. Thực hiện hiệu quả công tác quân sự, quốc phòng địa phương**

Cấp uỷ, chính quyền các cấp, lực lượng vũ trang trong tỉnh thường xuyên quán

<sup>18</sup> Dự án Đường 60m và Dự án Hạ tầng kỹ thuật khung; Đền thờ liệt sĩ tại Chiến trường Điện Biên Phủ; Bức tranh Panorama tại Bảo tàng Chiến thắng Điện Biên Phủ; Dự án cải tạo, sửa chữa Khu tưởng niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp tại Mường Phăng; Dự án Cột cờ A Pa Chải; Dự án Nhà khách tỉnh Điện Biên,...

<sup>19</sup> Dự án Trung tâm thương mại và nhà ở thương mại; dự án Khách sạn Mường Thanh Luxury Điện Biên, 12 dự án thủy điện,...

triệt, cụ thể hóa, triển khai thực hiện nghiêm, hiệu quả chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, của tỉnh về quân sự, quốc phòng. Chủ động nắm, dự báo, đánh giá đúng tình hình, chủ động phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống; thực hiện hiệu quả các văn kiện pháp lý về biên giới trên đất liền Việt Nam - Lào, Việt Nam - Trung Quốc; tổ chức quản lý, bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, các công trình trọng điểm biên giới. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân và “thế trận lòng dân” vững mạnh; tiềm lực trong khu vực phòng thủ tỉnh, huyện được xây dựng, củng cố ngày càng vững chắc, gắn với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Chỉ đạo hoàn thành 100% kế hoạch huấn luyện, luyện tập, diễn tập khu vực phòng thủ kết hợp phòng thủ dân sự các cấp. Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, phát huy tốt vai trò nòng cốt trong giúp Nhân dân phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cứu hộ, cứu nạn, xóa bỏ hủ tục, phong tục, tập quán lạc hậu, giảm nghèo, xây dựng đời sống văn hóa, nông thôn mới.

## **2. An ninh quốc gia được bảo đảm, trật tự an toàn xã hội ổn định**

Lãnh đạo, chỉ đạo các lực lượng chức năng nắm chắc tình hình nội, ngoại biên, bảo đảm an ninh trên hai tuyến biên giới; bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, các sự kiện lớn diễn ra trên địa bàn tỉnh; an ninh truyền thông, phi truyền thông cơ bản được giữ vững ổn định; chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn, làm thất bại các âm mưu, hoạt động phức tạp liên quan an ninh quốc gia<sup>20</sup>; kịp thời giải quyết các vấn đề, vụ việc phức tạp từ sớm, từ xa, không để bị động, bất ngờ, hình thành “điểm nóng”. Huy động sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân tham gia công tác bảo đảm an ninh trật tự, xây dựng thế trận an ninh nhân dân, nền an ninh nhân dân vững chắc. Triển khai quyết liệt các giải pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm, tạo chuyển biến tích cực, rõ nét về trật tự, an toàn xã hội<sup>21</sup>. Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án 06 của Chính phủ<sup>22</sup>. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc được đẩy mạnh<sup>23</sup>, góp phần giữ vững, ổn định chính trị, bảo

<sup>20</sup> Điều tra, làm rõ, khởi tố 07 vụ, 13 bị can về các tội tổ chức cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh trái phép; phối hợp tiếp nhận công dân Việt Nam phía nước ngoài trao trả về nước tổng số 98 đợt, 740 trường hợp; xác minh làm rõ nhân thân lai lịch của 1.446 trường hợp công dân Việt Nam nhập cảnh trái phép; tổ chức xác minh, xử lý, trao trả 38 trường hợp người nước ngoài vi phạm quy định về xuất nhập cảnh; kịp thời trao đổi thông tin, phối hợp giải cứu 59 trường hợp. Hoạt động tuyên truyền, kích động tư tưởng “ly khai, tự trị”, lập “Nhà nước riêng” được giải quyết hiệu quả, không để xảy ra vụ việc gây phức tạp; đấu tranh, xóa bỏ tà đạo “Giê sù”, “Bà Cô Dợ” trên địa bàn...

<sup>21</sup> Điều tra làm rõ 741 vụ phạm tội về trật tự xã hội, bắt giữ, xử lý 1.087 đối tượng; phát hiện, bắt giữ 4.900 vụ, 5.618 đối tượng phạm tội về ma túy; phát hiện, xử lý 844 vụ, 895 đối tượng vi phạm trong lĩnh vực kinh tế, tham nhũng, môi trường (khởi tố 100 vụ, 151 bị can).

<sup>22</sup> Cung cấp 113/113 dịch vụ công trực tuyến; thu nhận 654.440 hồ sơ căn cước công dân (đạt 100%); thu nhận 463.438 hồ sơ và kích hoạt 453.668 tài khoản định danh điện tử.

<sup>23</sup> Xây dựng, duy trì hoạt động 4.261 tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở với 34 loại mô hình; thành lập 1.446 Tổ bảo vệ an ninh trật tự tại 1.446 khu dân cư với 4.337 thành viên. Duy trì 104 tập thể, 616 hộ gia đình, 345 cá nhân tự quản đường biên mốc giới; 303 tổ/1.230 thành viên tự quản an ninh trật tự. Hằng năm,

đảm trật tự, an toàn xã hội, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

### **3. Hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế được tăng cường, đạt nhiều kết quả quan trọng**

Tập trung quán triệt, cụ thể hóa và thực hiện đồng bộ, thống nhất chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng, quy định của Nhà nước về công tác đối ngoại. Tiếp tục tăng cường, mở rộng quan hệ đối ngoại, bảo đảm thực hiện các nguyên tắc trong quan hệ quốc tế và hội nhập kinh tế quốc tế<sup>24</sup>. Tăng cường mở rộng quan hệ hữu nghị đặc biệt, hợp tác toàn diện với các tỉnh Bắc Lào<sup>25</sup>; duy trì và mở rộng quan hệ với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc)<sup>26</sup>; tiếp tục phát triển quan hệ hợp tác hữu nghị với tỉnh Nan, tỉnh Chiềng Rai (Thái Lan); thiết lập và tăng cường, mở rộng quan hệ hợp tác các đối tác mới như Nhật Bản, Pháp, Hàn Quốc, An-giê-ri, Liên bang Nga, Đô-mi-ni-ca-na,...<sup>27</sup>. Tiếp tục hợp tác có hiệu quả với các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, đại sứ quán các nước, thu hút các nguồn lực viện trợ nước ngoài phục vụ phát triển kinh tế - xã hội đạt bình quân trên 03 triệu USD/năm<sup>28</sup>.

## **IV- KẾT QUẢ CÔNG TÁC XÂY DỰNG, CHỈNH ĐÓN ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ**

### **1. Xây dựng Đảng bộ vững mạnh về tư tưởng, chính trị, đạo đức**

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, biểu hiện suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ được tăng cường, đạt kết quả tích cực. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, học tập chỉ thị, nghị quyết được đổi mới cả về nội dung và hình thức; 100% cấp ủy, tổ chức đảng và 95,5% cán bộ, đảng viên, 80% quần chúng Nhân dân được học tập, tiếp thu các nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên từ tỉnh tới cơ sở được củng cố, kiện toàn, hoạt động hiệu quả.

---

trên 90% số khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chí “An toàn về an ninh trật tự” và xếp loại phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc loại “Khá” trở lên. 100% địa bàn trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự chuyển hóa thành công.

<sup>24</sup> Từ 01/01/2020 - tháng 10/2024, cử 124 đoàn, 1.108 lượt cán bộ, công chức, viên chức công tác nước ngoài.

<sup>25</sup> Tỉnh thiết lập và duy trì hiệu quả cơ chế hội đàm, ký kết biên bản ghi nhớ ở cấp Bí thư Tỉnh ủy với 03 tỉnh Bắc Lào (*Phông-sa-lỳ, U-dôm-xay, Luông-pha-bang*); tổ chức ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác lần đầu tiên với tỉnh Luông-nậm-thà (Lào); phối hợp chặt chẽ với tỉnh Phông-sa-lỳ (Lào) mở lối mở Nậm Đích - Huổi Hịa.

<sup>26</sup> Tham gia hiệu quả vào cơ chế phiên họp Nhóm công tác liên hợp giữa các tỉnh Lào Cai, Hà Giang, Lai Châu, Điện Biên (Việt Nam) với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc). Phối hợp tổ chức Hội nghị thường niên giữa Bí thư Tỉnh ủy các tỉnh Lào Cai, Hà Giang, Lai Châu, Điện Biên (Việt Nam) và Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Vân Nam (Trung Quốc). Phối hợp với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) thực hiện quy trình, thủ tục mở cửa khẩu song phương A Pa Chải - Long Phú (đã hoàn thành 6/7 bước theo quy định).

<sup>27</sup> Năm 2023, ký Thỏa thuận kết nghĩa và hợp tác với tỉnh Bát-na (An-giê-ri); năm 2024, ký kết Thỏa thuận hợp tác với thành phố Saint Peterburg (Liên bang Nga). Cử nhiều đoàn công tác tham dự các diễn đàn, sự kiện văn hóa, xúc tiến thương mại, hợp tác quốc tế tại Cộng hòa Pháp, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thụy sĩ, Vương quốc Anh, Ấn Độ, các nước Trung Đông - Châu Phi,... để quảng bá hình ảnh, văn hóa, tiềm năng, cơ hội đầu tư với bạn bè quốc tế.

<sup>28</sup> Từ 01/01/2020 - tháng 10/2024, cho phép 180 đoàn, 1.844 lượt người nước ngoài thăm, làm việc tại tỉnh.

Tổ chức hiệu quả các hoạt động văn hóa, tuyên truyền, kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước, của tỉnh<sup>29</sup>. Công tác thông tin đối ngoại, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới được tăng cường. Công tác tuyên truyền gắn với dự báo tình hình, nắm diễn biến tư tưởng, tâm trạng, nghiên cứu dư luận xã hội và cán bộ, đảng viên và Nhân dân đạt hiệu quả. Ban Chỉ đạo 35 các cấp và đội ngũ cộng tác viên dư luận xã hội hoạt động tích cực; chủ động đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác quan điểm sai trái, thù địch, định hướng dư luận xã hội, tạo sự đồng thuận của Nhân dân.

Lãnh đạo thực hiện hiệu quả Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và chuyên đề hằng năm, gắn với Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII và Kết luận số 21-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị<sup>30</sup>. Tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TU, ngày 18/11/2021 Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cho cán bộ, đảng viên giai đoạn 2021-2025<sup>31</sup>.

Chú trọng tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục lý luận chính trị, công tác nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền và giáo dục lịch sử Đảng, lịch sử đảng bộ địa phương, cơ quan, đơn vị. Hoàn thành cuốn sách Biên niên sự kiện lịch sử Đảng bộ tỉnh giai đoạn 1949-2020, cuốn sách Anh hùng chiến sĩ Điện Biên Phủ; chỉ đạo thẩm định lịch sử đảng bộ của 06 địa phương, đơn vị, góp phần lưu trữ tư liệu và giáo dục truyền thống cách mạng cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

## **2. Công tác tổ chức xây dựng Đảng tiếp tục đạt nhiều kết quả tích cực**

Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ về công tác tổ chức xây dựng Đảng đạt chất lượng, hiệu quả. Tập trung sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế của hệ thống chính trị và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp theo hướng tinh gọn, mạnh, thống nhất, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng các yêu cầu nhiệm vụ; kết thúc hoạt động của 01 đảng uỷ, 06 đảng đoàn, 03 ban cán sự đảng và thành lập mới 02 đảng bộ trực thuộc Tỉnh uỷ; thực hiện sắp xếp giảm 148 tổ chức, 1.990 biên chế<sup>32</sup>. Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ theo tiêu chuẩn chức danh, từng bước đáp ứng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ; điều động, phân công, luân chuyển, bổ

<sup>29</sup> Nhất là các hoạt động kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ, 115 năm thành lập tỉnh và 75 năm thành lập Đảng bộ tỉnh.

<sup>30</sup> 100% cấp ủy, tổ chức đảng tổ chức học tập, triển khai thực hiện chuyên đề toàn khóa và hằng năm; toàn tỉnh xây dựng 532 mô hình học tập làm theo Bác trên các lĩnh vực.

<sup>31</sup> 100% lãnh đạo chủ chốt, người đứng đầu các cấp đã xây dựng kế hoạch hành động của cá nhân, gương mẫu, tự giác thực hiện nội dung nêu gương góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

<sup>32</sup> Trong đó, giảm 7 sở, ban, ngành tỉnh; 141 tổ chức trực thuộc sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh, cấp huyện. Giảm 148 biên chế cơ quan Đảng, Đoàn thể; 1.842 biên chế cơ quan khối Chính quyền địa phương.

nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử cho 759 lượt cán bộ; tổ chức thành công 02 đợt thi điểm thi tuyển, với 08 chức danh trúng tuyển lãnh đạo, quản lý cấp phó các ban, sở, ngành tỉnh; quan tâm thực hiện công tác quy hoạch cho 7.708 lượt cán bộ; đào tạo, bồi dưỡng cho 123.688 lượt cán bộ theo yêu cầu nhiệm vụ và tạo nguồn cán bộ cho nhiệm kỳ tới<sup>33</sup>. Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách cho 2.332 lượt cán bộ. Chất lượng đánh giá, xếp loại cán bộ, đảng viên được nâng lên, ngày càng thực chất hơn.

Triển khai quyết liệt, hiệu quả các nghị quyết, đề án về công tác tổ chức đảng, đảng viên<sup>34</sup>; tỷ lệ kết nạp đảng viên mới bình quân hằng năm đạt 5% so với tổng số đảng viên của Đảng bộ tỉnh<sup>35</sup>, cao hơn mục tiêu Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (*từ 3-4% trên tổng số đảng viên*). Tiếp tục củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; rà soát, phát hiện, giáo dục, giúp đỡ, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng; thực hiện nghiêm chủ trương của Trung ương về phát triển tổ chức đảng và bố trí cán bộ trong lực lượng vũ trang tham gia cấp ủy địa phương<sup>36</sup>.

Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ, nắm tình hình, thẩm định, thẩm tra, xác minh, kết luận tiêu chuẩn chính trị của cán bộ, đảng viên, nhất là nhân sự bầu cử đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026<sup>37</sup>. Công tác kiểm tra, giám sát về công tác tổ chức xây dựng Đảng được quan tâm, chỉ đạo thực hiện.

### **3. Công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng được triển khai đồng bộ, toàn diện**

Thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp quán triệt, triển khai thực hiện nghị quyết đại hội đảng các cấp, quy định, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 07/5/2021 về tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu

<sup>33</sup> Từ đầu nhiệm kỳ, các cấp ủy, cơ quan, đơn vị đã cử 2.793 lượt cán bộ đi đào tạo về chuyên môn, 3.487 lượt cán bộ đi đào tạo về lý luận chính trị, 117.408 lượt cán bộ tham gia các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng.

<sup>34</sup> Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 07/5/2021 của Tỉnh ủy về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, góp phần củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở, giai đoạn 2021-2025; Đề án số 09-ĐA/TU, ngày 09/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển tổ chức đảng, đảng viên, góp phần xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030.

<sup>35</sup> Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, kết nạp 10.150 đảng viên; đến tháng 4/2025, Đảng bộ tỉnh có 572 tổ chức cơ sở đảng, 03 đảng bộ bộ phận và 2.771 chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở, trong đó có 40 tổ chức đảng trong đơn vị kinh tế tư nhân (tăng 25 tổ chức đảng); 1.446/1.446 thôn, bản, tổ dân phố có đảng viên và tổ chức đảng. Tổng số đảng viên toàn tỉnh là 49.024 đảng viên; có 971 trưởng thôn, bản là đảng viên, đạt tỷ lệ 67,15% (tăng 35,81%).

<sup>36</sup> 100% xã, phường, thị trấn thành lập chi bộ công an, quân sự theo quy định; giới thiệu 29 đồng chí là cán bộ đồn biên phòng đóng quân, thực hiện nhiệm vụ tại các xã biên giới tham gia cấp ủy, giữ chức phó bí thư đảng ủy và 04 đồng chí chỉ huy đồn biên phòng tham gia cấp ủy cấp huyện (*Mường Nhé, Nậm Pồ, Mường Chà, Điện Biên*); 93 đảng viên đồn biên phòng tham gia sinh hoạt tại các chi bộ thôn, bản và 367 đồng chí phụ trách, giúp đỡ 1.343 hộ gia đình ở các xã biên giới.

<sup>37</sup> Cấp ủy có thẩm quyền đã thẩm định, kết luận tiêu chuẩn chính trị đối với 08 người tham gia ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV; 88 người tham gia ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; 543 người tham gia ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện; 4.735 người tham gia ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã; 1.728 lượt cán bộ giữ chức vụ từ trưởng phòng và tương đương trở lên phục vụ công tác cán bộ thường xuyên.

quả công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trong tình hình mới; rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành 08 quy chế, 03 quy định, 02 quy trình, hướng dẫn về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng theo quy định và phù hợp với tình hình thực tế; quan tâm củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy ủy ban kiểm tra, cơ quan ủy ban kiểm tra các cấp. Công tác tự kiểm tra, tự giám sát được coi trọng; công tác phối hợp giữa kiểm tra, giám sát với thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử duy trì chặt chẽ, thường xuyên. Công tác kiểm tra, giám sát được cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp triển khai đồng bộ, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm. Hoàn thành việc rà soát, phân loại, sắp xếp, thống kê, số hoá, cập nhật dữ liệu các tài liệu công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng giai đoạn 2021-2025 và bàn giao tài liệu khi sáp nhập bộ máy, phục vụ việc triển khai trên môi trường số.

Trong nhiệm kỳ, cấp ủy, tổ chức đảng các cấp trong Đảng bộ tỉnh đã kiểm tra 1.429 tổ chức đảng và 2.715 đảng viên, tăng 579 tổ chức đảng và 1.463 đảng viên so với nhiệm kỳ 2015-2020, trong đó có 485 đảng viên là cấp ủy viên, chiếm 18%; kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm 03 tổ chức đảng, 12 đảng viên, trong đó có 06 đảng viên là cấp ủy viên, chiếm 50%. Giám sát chuyên đề 963 tổ chức đảng và 1.761 đảng viên, tăng 658 tổ chức đảng và 1.075 đảng viên so với nhiệm kỳ 2015-2020, trong đó có 444 cấp ủy viên, chiếm 25%. Thi hành kỷ luật 05 tổ chức đảng và 902 đảng viên, trong đó có 117 cấp ủy viên, chiếm 13%; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng đối với 01 đảng viên.

Trong nhiệm kỳ, Ủy ban kiểm tra các cấp kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm 21 tổ chức đảng và 50 đảng viên, tăng 01 tổ chức đảng và giảm 43 đảng viên, trong đó có 29 cấp ủy viên, chiếm 58%; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát 525 tổ chức đảng, giảm 07 tổ chức đảng; kiểm tra việc thi hành kỷ luật trong Đảng 314 tổ chức đảng, tăng 133 tổ chức đảng; kiểm tra tài chính đảng 648 tổ chức đảng và 33.019 đảng viên; giám sát chuyên đề 532 tổ chức đảng và 360 đảng viên, trong đó có 268 cấp ủy viên, chiếm 73%; thi hành kỷ luật 02 tổ chức đảng và 215 đảng viên, trong đó có 48 cấp ủy viên, chiếm 22%, tăng 02 tổ chức đảng, giảm 19 đảng viên. Giải quyết tố cáo 03 tổ chức đảng và 16 đảng viên, tăng 02 tổ chức đảng, giảm 22 đảng viên, trong đó có 12 đảng viên là cấp ủy viên các cấp, chiếm 75%. Xác minh tài sản, thu nhập 397 đảng viên thuộc thẩm quyền.

Công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng được tăng cường và nâng cao hiệu lực, hiệu quả, góp phần quan trọng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; giữ gìn đoàn kết, thống nhất trong Đảng; giữ vững nguyên tắc, kỷ cương, kỷ luật của Đảng; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng.

**4. Công tác dân vận, mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng có nhiều đổi mới, hướng mạnh về cơ sở**

Lãnh đạo, chỉ đạo triển khai, cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, văn bản chỉ đạo của Trung ương phù hợp với thực tế địa phương để tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo<sup>38</sup>.

Công tác dân vận của các cơ quan nhà nước, chính quyền các cấp tiếp tục được quan tâm, tập trung hoàn thiện, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, tổ chức thực thi hiệu quả chính sách, pháp luật để nâng cao đời sống của Nhân dân, nâng cao đạo đức công vụ, tinh thần trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương, ý thức phục vụ Nhân dân của đội ngũ cán bộ; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Quan tâm tổ chức đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp, người đứng đầu các cơ quan, tổ chức với Nhân dân. Đẩy mạnh việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, với phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”, góp phần thực hiện tốt cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội làm nòng cốt để Nhân dân làm chủ”. Phong trào thi đua “Dân vận khéo” được triển khai hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Công tác dân vận của lực lượng vũ trang góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, hướng về cơ sở; từng bước nâng cao chất lượng phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh.

Hệ thống dân vận các cấp tăng cường công tác nắm tình hình Nhân dân, nhất là trong thực hiện các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh; kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc, những vấn đề phức tạp nảy sinh ngay từ cơ sở, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân, góp phần củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân được tăng cường, quyền làm chủ của Nhân dân ngày càng được phát huy.

## **5. Công tác nội chính, cải cách tư pháp và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được triển khai sâu rộng, thực hiện nghiêm minh**

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, triển khai cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo của Trung ương về công tác nội chính, cải cách tư pháp và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Ban hành 16 văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, cho chủ trương xử lý đối

---

<sup>38</sup> Ban Thường Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 14-NQ/TU, ngày 10/11/2021 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới; Chỉ thị số 19-CT/TU, ngày 30/5/2022 về đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả phong trào thi đua “Dân vận khéo” giai đoạn 2022 - 2025; Chỉ thị số 34-CT/TU, ngày 22/11/2023 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân tộc trong tình hình mới; Chỉ thị số 42-CT/TU, ngày 08/7/2024 về tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện dân chủ ở cơ sở; Quy định số 24-QĐ/TU, ngày 22/8/2024 về đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp; người đứng đầu các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh với Nhân dân; Đề án số 07-ĐA/TU, ngày 08/8/2022 về xây dựng lực lượng cốt cán trong tôn giáo trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2022-2025; Đề án số 10-ĐA/TU, ngày 07/9/2023 về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận của cơ quan hành chính nhà nước và chính quyền các cấp trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2023-2025 và những năm tiếp theo,...

với những vụ án, vụ việc, các vấn đề đột xuất, nổi cộm, phức tạp liên quan đến an ninh, trật tự trên địa bàn theo đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Thực hiện 15 cuộc kiểm tra, 14 cuộc giám sát đối với 29 tổ chức đảng về công tác nội chính, cải cách tư pháp và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trên địa bàn tỉnh; giúp nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên nhất là người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng trong lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ.

Công tác nội chính, cải cách tư pháp và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tiếp tục được triển khai sâu rộng và đạt được nhiều kết quả quan trọng<sup>39</sup>; tập trung xử lý dứt điểm nhiều vấn đề nổi cộm, phức tạp, bức xúc về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, các vụ việc, vụ án nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm; làm tốt công tác tiếp công dân, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, đối thoại với công dân, nhiều vụ việc tồn đọng kéo dài được giải quyết dứt điểm, số lượng đơn, thư vượt cấp giảm so với những năm trước đây<sup>40</sup>.

Công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án được thực hiện đúng pháp luật; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách tư pháp, đổi mới việc xét hỏi, nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa, bảo đảm tính công khai, dân chủ, nghiêm minh<sup>41</sup>. Công tác quản lý nhà nước về tổ chức, hoạt động hỗ trợ tư pháp bảo đảm chặt chẽ, đúng quy định.

Các ban chỉ đạo về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và cải cách tư pháp hoạt động có hiệu quả; quyết liệt chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ giải quyết các vụ án, vụ việc, tạo sự đồng thuận, niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân; vai trò, trách nhiệm của các cơ quan dân cử và toàn xã hội trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tiếp tục được nâng cao.

## **6. Phương thức lãnh đạo của Đảng có nhiều đổi mới, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thông suốt, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị**

Các cấp ủy, tổ chức đảng đã có nhiều đổi mới, nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện nghị quyết; kịp thời ban hành, sửa đổi, bổ sung và thực hiện nghiêm quy chế làm việc; tập trung quyết liệt lãnh đạo cụ thể hóa và tổ

<sup>39</sup> 100% cơ quan đơn vị thực hiện nghiêm túc quy định về kê khai, kiểm tra, giám sát việc kê khai và công khai tài sản, thu nhập; đã thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác cho 426 cán bộ, công chức. Kịp thời xử lý một số vụ án tham nhũng được dư luận đồng tình ủng hộ, đã khởi tố 17 vụ, 29 bị can; phục hồi điều tra 01 vụ, 01 bị can. Viện kiểm sát nhân dân hai cấp truy tố 13 vụ, 35 bị can; Viện kiểm sát nhân dân tối cao truy tố và ủy quyền cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh 01 vụ, 01 bị can. Tòa án nhân dân hai cấp xét xử sơ thẩm 22 vụ, 54 bị cáo; phúc thẩm 02 vụ, 03 bị cáo; thu hồi số tài sản thiệt hại do hành vi tham nhũng 12.398,58 triệu đồng, đạt 92,81%. Thanh tra các cấp, ngành tiến hành 376 cuộc thanh tra hành chính và 420 cuộc thanh tra chuyên ngành, sau thanh tra phát hiện sai phạm 73.739,65 triệu đồng, kiến nghị thu hồi, kiến nghị xử lý khác về kinh tế 73.737,64 triệu đồng, 3.046,2 m<sup>2</sup> đất,...; đã thu hồi 62.906,50 triệu đồng, đạt 85,3%; kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với 104 tập thể, 422 cá nhân, đạt 100%.

<sup>40</sup> Các cấp, các ngành đã tổ chức tiếp 3.949 lượt với 4.839 người, có 36 đoàn đồng người với 461 lượt người, trong đó người đứng đầu cấp ủy các cấp tiếp, đối thoại định kỳ 858 cuộc, 1.377 lượt công dân (*đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tiếp, đối thoại 11 cuộc/15 lượt công dân; bí thư cấp huyện tiếp 105 cuộc/286 lượt công dân; bí thư cấp xã tiếp 742 cuộc/1.76 lượt công dân*).

<sup>41</sup> Viện Kiểm sát nhân dân hai cấp, Tòa án nhân dân hai cấp phối hợp tổ chức 505 phiên tòa rút kinh nghiệm, 147 phiên tòa sơ thẩm trực tuyến theo Nghị quyết số 33/2021/QH15 của Quốc hội.

chức triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng. Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 86-KH/TU, ngày 20/3/2023 thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng để lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng triển khai thực hiện thống nhất, tạo chuyển biến mạnh mẽ, thực chất trong đổi mới phương thức lãnh đạo cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới.

Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 07/5/2021 của Tỉnh ủy về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, góp phần củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở, giai đoạn 2021-2025; Ban Thường vụ Tỉnh ủy huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, thành lập 11 ban chỉ đạo cấp tỉnh để chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, dự án trọng điểm của tỉnh. Các ban chỉ đạo phát huy tốt vai trò trong lãnh đạo, chỉ đạo cả hệ thống chính trị vào cuộc; nhiều dự án trọng điểm tồn đọng, kéo dài được tập trung giải quyết, xử lý dứt điểm, hiệu quả, đúng theo quy định của pháp luật; các vụ việc, vụ án tham nhũng, tiêu cực được tập trung chỉ đạo và thực hiện nghiêm theo quy định của pháp luật. Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thường xuyên tổ chức làm việc với cấp ủy cấp dưới; tham dự các cuộc họp của Ban cán sự đảng UBND tỉnh để cho ý kiến đối với những vấn đề lớn, quan trọng, phức tạp thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

Các cấp ủy, tổ chức đảng thực hiện nghiêm nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng; thực hiện tốt quy chế phối hợp, mối quan hệ giữa cấp ủy đảng với người đứng đầu trong cơ quan chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Cấp ủy các cấp thường xuyên tổ chức tiếp xúc, đối thoại, lắng nghe ý kiến phản ánh của cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Tăng cường kiểm tra, giám sát, thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo. Quan tâm thực hiện cải cách hành chính, đổi mới, nâng cao chất lượng các cuộc họp, hội nghị của cấp ủy.

## **7. Lãnh đạo hoạt động của chính quyền, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng**

### **7.1. Lãnh đạo hoạt động của chính quyền các cấp**

Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2021-2026 hoạt động dưới sự lãnh đạo toàn diện của các cấp ủy đảng, sự phối hợp thường xuyên, chặt chẽ giữa thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp; khẳng định được vai trò, vị thế của cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, tổ chức thành công 1.534 kỳ họp, quyết định nhiều vấn đề quan trọng, cụ thể hóa kịp thời, phù hợp với thực tiễn các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; ban hành 8.947 nghị quyết trên các lĩnh vực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng

cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân. Hội đồng nhân dân các cấp đã thực hiện 2.735 cuộc khảo sát và giám sát chuyên đề, có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào những vấn đề quan trọng, có phạm vi tác động lớn đến đời sống Nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và kịp thời giải quyết những vấn đề bức xúc trong xã hội<sup>42</sup>; hoạt động tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân được thực hiện thường xuyên, kịp thời và đúng quy định<sup>43</sup>.

UBND các cấp tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả quản lý, chỉ đạo, điều hành; kịp thời quán triệt, cụ thể hóa, chỉ đạo triển khai thực hiện nghị quyết, chỉ thị, chủ trương, chính sách của các cấp ủy đảng và cơ quan quản lý nhà nước cấp trên. Tăng cường phân cấp, phân quyền và nâng cao hiệu quả phối hợp; tập trung cải cách hành chính, tinh giản biên chế, tinh gọn bộ máy, xây dựng chính quyền điện tử, xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách, tạo đột phá trong phát triển kinh tế, đưa chính sách vào cuộc sống. Chủ động thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, tiêu dùng và giải ngân vốn đầu tư công. Ban cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo sát sao, quyết liệt, định hướng rõ mục tiêu, nhiệm vụ, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ của đối với UBND tỉnh, giúp UBND tỉnh chỉ đạo, điều hành chính quyền các cấp, các ngành đạt được nhiều kết quả quan trọng trong triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh.

Đoàn đại biểu Quốc hội, các đại biểu Quốc hội tỉnh thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật. Tham gia đầy đủ, trách nhiệm tại các kỳ họp của Quốc hội, quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước; tích cực tổ chức thảo luận, tham gia ý kiến xây dựng pháp luật bằng nhiều hình thức hiệu quả; tổng hợp, tham gia ý kiến góp ý thiết thực, có chất lượng, sát thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác xây dựng pháp luật của Quốc hội; đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động giám sát, hoàn thành các chương trình giám sát theo kế hoạch. Hoạt động tiếp công dân, xử lý đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân được thực hiện theo quy định của pháp luật. Tích cực đổi mới trong hoạt động tiếp xúc cử tri, thực hiện tốt vai trò là cầu nối, chuyển tải nguyện vọng, kiến nghị của cử tri với Đảng, Nhà nước.

## ***7.2. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội, hội quần***

<sup>42</sup> HĐND các cấp đã thực hiện 2.735 cuộc giám sát thường xuyên và giám sát chuyên đề, trong đó cấp tỉnh 41, cấp huyện 207 và cấp xã 2.487 cuộc; tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với 199 người, trong đó, cấp tỉnh là 29 người, cấp huyện là 170 người.

<sup>43</sup> Tại 10/10 huyện, thị xã, thành phố, trong đó cấp tỉnh là 190 cuộc, cấp huyện 854 và cấp xã là 3.980 cuộc; tiếp nhận 26.616 ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi tới các cơ quan chức năng xem xét giải quyết theo quy định, trong đó, cấp tỉnh 462, cấp huyện 3.254, cấp xã 22.900 ý kiến kiến nghị. Tổ chức tiếp công dân định kỳ và thường xuyên 9.872 lượt người, trong đó cấp tỉnh 109, cấp huyện 1.915, cấp xã 7.848 lượt. Tiếp nhận 4.263 đơn khiếu nại, kiến nghị, tố cáo, đề nghị, phản ánh, nặc danh, trong đó cấp tỉnh 384, cấp huyện 76, cấp xã 3.803 đơn; hầu hết đơn của công dân được các ngành chức năng giải quyết đúng theo quy định, đạt tỷ lệ 86%, còn lại một số đơn không đủ điều kiện xử lý được xếp lưu theo quy định.

***chúng được phát huy, góp phần tăng cường khối đoàn kết toàn dân tộc***

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh chủ động, phối hợp, thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, đặc biệt là tuyên truyền triển khai thực hiện các chương trình, dự án lớn của tỉnh, tự giác hưởng ứng, ủng hộ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh. Kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp Nhân dân; vận động, tập hợp, củng cố khối đoàn kết các dân tộc, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân.

Thực hiện hiệu quả các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước, nhất là Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, “Chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau”; phối hợp với các ban, bộ, ngành Trung ương tổ chức thành công Đề án vận động hỗ trợ làm nhà Đại đoàn kết cho hộ nghèo tỉnh và các chương trình hỗ trợ làm nhà cho người nghèo; phối hợp làm mới và sửa chữa trên 12.200 căn nhà Đại đoàn kết; thực hiện hỗ trợ, giúp đỡ Nhân dân gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh<sup>44</sup>. Đổi mới hoạt động của công đoàn phù hợp với bối cảnh, điều kiện mới gắn với các chương trình, phong trào thi đua yêu nước “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, “Lao động giỏi, lao động sáng tạo”, “Mái ấm Công đoàn”, “Tết sum vầy”...; thực hiện có hiệu quả vai trò đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động; đẩy mạnh công tác phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở, xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh. Tỉnh đoàn Thanh niên tăng cường bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc, ý chí, khát vọng phát triển, tinh thần xung kích, tiên phong, sáng tạo của thanh niên thông qua các phong trào thanh niên tình nguyện, phong trào tuổi trẻ sáng tạo, phong trào tuổi trẻ xung kích bảo vệ tổ quốc; phát hiện, lựa chọn đoàn viên ưu tú để bồi dưỡng tạo nguồn kết nạp vào Đảng, có 6.316/11.179 đoàn viên ưu tú được kết nạp vào Đảng; công tác chăm sóc, giáo dục thiếu niên, nhi đồng và công tác quốc tế thanh niên được tăng cường. Công tác hội và phong trào nông dân tiếp tục có bước phát triển và đổi mới cả về nội dung và phương thức hoạt động, hướng mạnh về cơ sở; chú trọng củng cố, xây dựng tổ chức Hội và phát triển hội viên<sup>45</sup>; từng bước khẳng định vai trò của các cấp Hội trong tham gia phát triển kinh tế tập thể; các phong trào thi đua của Hội được triển khai có hiệu quả, nhất là phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”, phong trào “Nông dân thi đua xây dựng nông thôn mới”, phong trào “Nông dân tham gia bảo đảm quốc phòng, an ninh”<sup>46</sup>,... Các cấp hội phụ nữ thực

<sup>44</sup> Ủng hộ quỹ vắc xin phòng, chống dịch Covid-19 với tổng số tiền trên 32,95 tỷ đồng và nhiều vật tư y tế, nhu yếu phẩm hỗ trợ phòng, chống dịch với tổng giá trị trên 5 tỷ đồng.

<sup>45</sup> Ước thực hiện trong nhiệm kỳ kết nạp 6.273 hội viên mới, nâng tổng số hội viên lên 88.228 hội viên.

<sup>46</sup> Ước thực hiện trong nhiệm kỳ: Toàn tỉnh có 3.500 hộ được công nhận SXKD giỏi các cấp, trong đó: Đạt cấp

hiện tốt việc chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các tầng lớp phụ nữ; đẩy mạnh hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ; các phong trào, cuộc vận động, các hoạt động được tổ chức đồng bộ, hiệu quả, thiết thực tạo sự lan toả; thực hiện có hiệu quả công tác vận động xã hội thực hiện bình đẳng giới, góp phần nâng cao vị thế của phụ nữ trong xã hội. Hội cựu chiến binh các cấp phát huy phẩm chất truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ” tích cực tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và khối đại đoàn kết toàn dân tộc; nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, giúp nhau làm kinh tế, giảm nghèo bền vững, số hội cựu chiến binh khá và giàu chiếm 49%; phối hợp biên soạn, xuất bản cuốn sách “Anh hùng, chiến sỹ Điện Biên” góp phần tuyên truyền, giáo dục truyền thống yêu nước, đặc biệt là cho thế hệ trẻ.

Phát huy vai trò tích cực của các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp; làm tốt công tác xã hội, nhân đạo, từ thiện. Tuyên truyền, cổ vũ và nhân rộng các nhân tố mới, điển hình tiên tiến trên các lĩnh vực, tạo động lực thúc đẩy phong trào thi đua phát triển sâu rộng. Hoạt động giám sát, phản biện xã hội có chuyển biến tích cực, ngày càng đi vào chiều sâu, hiệu quả rõ nét<sup>47</sup>. Hoạt động đối ngoại nhân dân được tăng cường<sup>48</sup>, góp phần tạo lên sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên mặt trận công tác đối ngoại nhân dân.

Tỉnh ủy và các cấp ủy, tổ chức đảng đã lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thành công đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong nhiệm kỳ theo kế hoạch. Công tác quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội quần chúng từng bước được nâng lên, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho hội quần chúng phát huy vai trò, sức mạnh trong sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh. Các tổ chức hội hoạt động tích cực, hiệu quả, đúng tôn chỉ mục đích và quy định của pháp luật; đóng góp tích cực vào các cuộc vận động và phong trào thi đua yêu nước.

## **V- ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT, NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM**

### **1. Đánh giá tổng quát**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV trong bối cảnh có nhiều khó khăn, thách thức, Đảng bộ và Nhân dân các

---

Trung ương 28 hộ; cấp tỉnh 148 hộ; cấp huyện 715 hộ; cấp cơ sở 2.609 hộ. Trong nhiệm kỳ đã chuyển giao KHKT cho 121.867 lượt hội viên, nông dân; phối hợp giúp đỡ 7612 hộ nông dân thoát nghèo; hội viên, nông dân tham gia đóng góp trên 275.000 ngày công xây dựng và tu sửa các công trình phúc lợi; làm mới, sửa chữa 93 km đường dân sinh; xây dựng mới và sửa chữa hơn 625 km kênh mương nội đồng; hiến trên 81.250 m<sup>2</sup> đất để làm đường giao thông, trạm y tế, trường học, nhà văn hóa thôn bản; phối hợp tham gia sửa chữa và làm mới trên 715 nhà Đại đoàn kết giúp hộ gia đình nghèo, gia đình chính sách; trực tiếp hỗ trợ làm 47 nhà cho hội viên nông dân. Hằng năm các cấp Hội tổ chức cho trên 62.000 lượt hộ đăng ký phấn đấu đạt gia đình văn hóa; kết quả có trên 70% số hộ đăng ký đã được công nhận đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa”.

<sup>47</sup> Chủ trì giám sát được 434 cuộc, tổ chức được 27 cuộc phản biện.

<sup>48</sup> Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội duy trì thực hiện tốt các nội dung biên bản ghi nhớ đã ký kết với các cơ quan có chức năng, nhiệm vụ tương đồng tại các tỉnh Bắc Lào; tích cực tuyên truyền, vận động Nhân dân hai bên biên giới Việt Nam - Lào, Việt Nam - Trung Quốc chấp hành tốt chủ trương nước sở tại, tổ chức giao lưu Nhân dân hai bên biên giới.

dân tộc trong tỉnh đã đoàn kết, thống nhất, nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị đề ra; Tỉnh uỷ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai hiệu quả 03 khâu đột phá chiến lược, 08 nhiệm vụ trọng tâm và 04 chủ trương, giải pháp chủ yếu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV; kịp thời cụ thể hóa bằng các nghị quyết, chương trình hành động phù hợp thực tiễn. Kết quả, tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục chuyển biến tích cực, cơ bản hoàn thành 16/16 nhóm chỉ tiêu chủ yếu.

Kinh tế duy trì đà tăng trưởng, cơ cấu chuyển dịch đúng hướng; môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện, thu hút nhiều nhà đầu tư chiến lược trong và ngoài nước đến khảo sát, nghiên cứu đề xuất và triển khai thực hiện các dự án tại tỉnh; hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là giao thông, đô thị, dịch vụ được quan tâm đầu tư, từng bước hoàn thiện. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội có tiến bộ rõ nét; chất lượng giáo dục, y tế được nâng lên; công tác giảm nghèo, an sinh xã hội đạt nhiều kết quả tích cực; khối đại đoàn kết các dân tộc được củng cố. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân được mở rộng, hiệu quả.

Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị được tiến hành thường xuyên, toàn diện, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện bằng quyết tâm chính trị cao, hành động nhất quán, cách làm hiệu quả; đổi mới phương thức lãnh đạo, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân trong tham gia xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị.

*Nguyên nhân của những kết quả đạt được:* Những kết quả đạt được là nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Trung ương; sự hỗ trợ, phối hợp hiệu quả của các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp; tinh thần đoàn kết, quyết tâm cao của Đảng bộ; sự chủ động, linh hoạt trong lãnh đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp; sự đồng thuận, tham gia tích cực của Nhân dân. Đội ngũ cán bộ, đảng viên đa số nêu cao tinh thần trách nhiệm, không ngừng học tập, rèn luyện, phát huy truyền thống cách mạng, tạo sức mạnh tổng hợp trong triển khai thực hiện nhiệm vụ.

## **2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

### **2.1. Tồn tại, hạn chế**

Quy mô nền kinh tế còn nhỏ, tăng trưởng chưa thực sự bền vững. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư nhưng chưa đồng bộ, nhất là giao thông, đô thị, cụm công nghiệp. Thu ngân sách trên địa bàn còn thấp, chủ yếu phụ thuộc trợ cấp từ Trung ương. Việc khai thác tiềm năng, lợi thế chưa tương xứng; công tác lập và triển khai thực hiện quy hoạch còn chậm. Tiến độ thực hiện và giải ngân một số chương trình, dự án chưa đáp ứng yêu cầu.

Lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế có mặt còn bất cập, chậm phát triển, nhất là ở khu vực khó khăn. Chất lượng và khả năng thu hút nguồn nhân lực có chất lượng

cao còn hạn chế; đời sống một bộ phận Nhân dân còn khó khăn; tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo chưa cao.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, triển khai thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng ở một số cấp ủy, tổ chức đảng có nội dung hiệu quả chưa cao. Công tác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng có lúc, có nơi chưa kịp thời.

Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số tổ chức đảng và đảng viên còn hạn chế; phát triển tổ chức đảng trong khối doanh nghiệp tư nhân đạt 50% MTNQ đề ra<sup>49</sup>. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của một số cấp ủy có lúc, có việc chưa sâu sát, thiếu quyết liệt; việc khắc phục, sửa chữa một số khuyết điểm, xử lý vi phạm sau kiểm tra, thanh tra, kiểm toán còn chậm, chưa triệt để. Việc nắm tình hình Nhân dân trước những sự kiện, tình huống phát sinh ở địa bàn phức tạp có lúc, có việc chưa kịp thời. Việc tổ chức thực hiện các giải pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực ở một số cơ quan, đơn vị chưa cụ thể, quyết liệt.

Công tác phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội với chính quyền các cấp, các ngành trong công tác dân vận, tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và Nhân dân tham gia phát triển kinh tế - xã hội có việc còn lúng túng, hiệu quả hạn chế.

## **2.2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế**

*a) Nguyên nhân khách quan:* Tình hình thế giới diễn biến phức tạp với xung đột vũ trang, cạnh tranh chiến lược, chiến tranh thương mại, làm đứt gãy chuỗi cung ứng, thay đổi chính sách kinh tế, tín dụng của các nước lớn; thị trường bất động sản suy giảm, giá nguyên vật liệu đầu vào biến động mạnh, ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh. Đại dịch Covid-19 bùng phát trong nửa đầu nhiệm kỳ, thiên tai, thời tiết bất thường, phức tạp tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội. Hệ thống pháp luật về đất đai, đầu tư công, thu hút đầu tư còn bất cập, thiếu đồng bộ. Các thế lực thù địch tiếp tục gia tăng hoạt động chống phá với thủ đoạn tinh vi, đa dạng; một bộ phận người dân còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

### *b) Nguyên nhân chủ quan*

Một số cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu chưa thực sự chủ động, quyết liệt, sáng tạo, sâu sát trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ, chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm nêu gương trong thực thi công vụ. Tinh thần trách nhiệm, ý thức làm việc, năng lực chuyên môn của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa cao; công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành và chính quyền địa phương có lúc, có việc chưa kịp thời, còn lúng túng, chưa hiệu quả.

---

<sup>49</sup> Tính đến 31/12/2024, toàn tỉnh thành lập được 25 tổ chức đảng trong đơn vị kinh tế tư nhân.

Việc phát triển tổ chức đảng, đảng viên trong các doanh nghiệp tư nhân gặp khó khăn do doanh nghiệp có quy mô nhỏ và siêu nhỏ, lao động chủ yếu làm thời vụ. Công tác tự phê bình và phê bình của một số tổ chức đảng, đảng viên chưa cao. Công tác tham mưu, giải quyết những vấn đề liên quan đến dân vận, dân tộc, tôn giáo phát sinh ở cơ sở có việc chưa thật sự sâu sát, quyết liệt, hiệu quả chưa cao. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác nội chính, cải cách tư pháp và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực của một số cấp ủy chưa thường xuyên, chủ động, nhất là công tác kiểm tra, giám sát, khắc phục.

### **3. Một số bài học kinh nghiệm**

*Một là*, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước; kịp thời thể chế hóa các chủ trương, chính sách bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, liên thông trong hệ thống chính trị. Chủ động tổng kết thực tiễn, bổ sung, hoàn thiện các quy định, quy chế, hướng dẫn sát với tình hình thực tiễn.

*Hai là*, phát huy, tăng cường, đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy, chỉ đạo điều hành của chính quyền, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể; chủ động, tích cực, linh hoạt trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị với quyết tâm cao nhất, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, cụ thể, hiệu quả.

*Ba là*, nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, chủ động khai thác, phát huy tiềm năng, thế mạnh nội tại; đồng thời tranh thủ sự giúp đỡ, hỗ trợ của Trung ương và các địa phương, cộng đồng doanh nghiệp. Nâng cao năng lực phân tích, dự báo, đề ra chủ trương, giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo linh hoạt, kịp thời, phù hợp với thực tiễn; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ.

*Bốn là*, đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; nâng cao hiệu quả phân cấp, phân quyền gắn với rõ trách nhiệm người đứng đầu; tạo sự đồng thuận của Nhân dân và niềm tin của nhà đầu tư.

*Năm là*, chú trọng phát triển kinh tế gắn với chăm lo văn hóa xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo, tạo việc làm, tăng thu nhập, khơi dậy ý chí vươn lên làm giàu chính đáng.

*Sáu là*, phải kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh, nhất là ở các địa bàn trọng điểm; xây dựng, củng cố thể trận phòng thủ vững chắc ở các tuyến biên giới, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia. Thực hiện tốt công tác đối ngoại, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển.

## **Phần thứ hai PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ**

## VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHIỆM KỲ 2025- 2030

### I- DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Dự báo trong những năm tới, tình hình thế giới và khu vực tiếp tục chuyển biến phức tạp, khó lường; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột địa chính trị, địa kinh tế gia tăng; an ninh, chủ quyền biển, đảo tiềm ẩn nhiều rủi ro; chiến tranh thương mại, bảo hộ kinh tế, biến đổi khí hậu, dịch bệnh và thiên tai tiếp tục là những thách thức toàn cầu. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là trí tuệ nhân tạo, phát triển nhanh chóng, tác động sâu rộng đến mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội. Trong nước, sau gần 40 năm đổi mới, thế và lực, sức mạnh tổng hợp, uy tín quốc tế của đất nước ngày càng được nâng cao; Đảng, Nhà nước tiếp tục có nhiều chủ trương, chính sách mang tính cách mạng, đột phá đưa đất nước ta bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên phát triển, vươn mình của dân tộc; công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị đạt nhiều kết quả quan trọng. Kinh tế của tỉnh tiếp tục duy trì mức tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực; cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả thiết thực; một số dự án trọng điểm nhất là kết nối hạ tầng giao thông liên vùng được triển khai; an ninh trật tự ổn định; đối ngoại được mở rộng, tạo nền tảng thúc đẩy phát triển trong thời gian tới.

Tuy nhiên, Điện Biên tiếp tục phải đối mặt với nhiều yếu tố bất lợi từ bên ngoài và những khó khăn, hạn chế như: Quy mô kinh tế còn nhỏ; hạ tầng chưa đồng bộ, nhất là về hạ tầng giao thông; tỷ lệ hộ nghèo còn cao; nhu cầu đầu tư phát triển, bảo đảm an sinh xã hội và phát triển sản xuất là rất lớn trong khi nguồn lực còn hạn hẹp. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp; các thế lực thù địch, phản động tiếp tục gia tăng các hoạt động chống phá, tuyên truyền, kích động tư tưởng “ly khai, tự trị”; tình hình tuyên truyền tôn giáo trái pháp luật; hoạt động của một số loại tội phạm, tệ nạn xã hội vẫn còn tiếp diễn; ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu,... Đây là những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ 2025-2030.

### II- MỤC TIÊU

#### 1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng tỉnh Điện Biên phát triển nhanh và bền vững. Phấn đấu đến năm 2030 đưa Điện Biên trở thành tỉnh phát triển theo hướng kinh tế xanh, thông minh, bền vững; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được nâng cao, tiệm cận mức bình quân cả nước; là một trong những trung tâm du lịch, dịch vụ, y tế, giáo dục, văn hóa, khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo của vùng; phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại, có chất lượng và giá trị

cao, kết hợp với công nghiệp chế biến, du lịch; kinh tế số đóng vai trò quan trọng trong phát triển tỉnh; phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ gắn với phát triển du lịch bền vững. Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới; mở rộng đối ngoại và hợp tác quốc tế.

## **2. Các chỉ tiêu chủ yếu**

### **2.1. Về kinh tế**

(1)- Tốc độ tăng trưởng kinh tế phân đầu đạt trên 11%/năm; GRDP bình quân đầu người năm 2030 đạt 114,36 triệu đồng/người, năng suất lao động đạt 192,48 triệu đồng (theo giá hiện hành).

(2)- Cơ cấu kinh tế năm 2030: Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 9,64%, giảm 4,01%; ngành công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 27,15%, tăng 4,03%; ngành dịch vụ chiếm khoảng 59,45%, tăng 0,34% so với năm 2025.

(3)- Tổng thu ngân sách trên địa bàn năm 2030 trên 5.000 tỷ đồng. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2026-2030 đạt 231.000 tỷ đồng.

(4)- Giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp (theo giá năm 2010) năm 2030 đạt 3.057 tỷ đồng, tăng 16,7% so với năm 2025. Tỷ trọng kinh tế số đạt 20% GRDP tỉnh, tăng 8% so với năm 2025.

(5)- Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng bình quân 18,52%/năm; tốc độ tăng trưởng bình quân tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ và hoạt động thương mại biên giới đạt trên 10%/năm. Đến năm 2030, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ và trao đổi cư dân biên giới đạt 153 triệu USD.

(6)- Tổng lượng khách du lịch giai đoạn 2026-2030 đạt trên 8 triệu lượt người, tổng doanh thu từ hoạt động du lịch đạt 15.000 tỷ đồng.

### **2.2. Về xã hội**

(7)- Đến năm 2030, dân số trung bình đạt trên 716.000 người, tốc độ tăng dân số hằng năm 1,53%; tuổi thọ trung bình 73 tuổi.

(8)- Bình quân mỗi năm đào tạo nghề cho 8.500 lao động trở lên, tạo việc làm từ 8.800 - 9.000 lao động, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo so với lực lượng lao động trên 70% vào năm 2030, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ đạt trên 55%; tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 2,5%.

(9)- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 3%/năm trở lên;

(10)- Đến hết năm 2030, toàn tỉnh có 60% xã đạt chuẩn nông thôn mới và cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới; có từ 200 sản phẩm trở lên được chứng nhận sản phẩm OCOP.

(11)- Về y tế, bảo hiểm xã hội: 100% xã, phường đạt tiêu chí quốc gia về y tế; có 14 bác sĩ/1 vạn dân; 36,2 giường bệnh/1 vạn dân; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng/tuổi) còn 14%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (chiều cao/tuổi) còn dưới 21%; tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi tiêm đủ các loại vaccine đạt 95%; tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 95%; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 98%.

(12)- Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi. Tỷ lệ trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia đạt trên 85%; tỷ lệ trường mầm non, phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục trên 85%. Phần đầu tỷ lệ phòng học, phòng công vụ, phòng nội trú/bán trú được kiên cố hóa đạt 100%.

(13)- Trên 75% người dân ở vùng cao, biên giới được hưởng thụ và tham gia các hoạt động văn hóa; có 78% gia đình đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa”; 70% thôn, bản, tổ dân phố đạt danh hiệu “Thôn, bản, tổ dân phố văn hóa”; 95% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa; 100% xã, phường có nhà văn hóa, thể thao; 70% thôn, bản, tổ dân phố có nhà văn hóa, nơi sinh hoạt cộng đồng; số người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên chiếm 41% trên tổng số dân toàn tỉnh.

### **2.3. Về hạ tầng thiết yếu, môi trường**

(14)- Cơ bản đầu tư hoàn thiện hệ thống quốc lộ, tỉnh lộ theo quy hoạch, trọng tâm là đầu tư nâng cấp, cải tạo các tuyến quốc lộ 279, quốc lộ 4H kết nối với Bắc Lào và Trung Quốc; triển khai đầu tư các dự án, công trình thuộc danh mục ưu tiên đầu tư theo Quyết định số 109/QĐ-TTg, ngày 27/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ; xây dựng tối thiểu 1.500 căn nhà ở xã hội. 100% khu vực có dân cư sinh sống, làm việc được phủ sóng thông tin di động mạng 4G/5G và cung cấp dịch vụ băng rộng cố định (Internet cáp quang). Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông với Trung ương đạt trên 80%. 100% người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID). Tỷ lệ xã có chợ xã, liên xã đạt 100%. Tỷ lệ hộ được sử dụng điện lưới quốc gia đạt trên 99%. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 32%.

(15)- Tỷ lệ người dân đô thị được sử dụng nước sạch bảo đảm theo tiêu chuẩn đạt 100%; tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó 83% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn; tỷ lệ che phủ rừng 48%; tỷ lệ thu gom rác thải đạt từ 96,5% đối với khu vực đô thị và đạt từ 50 - 70% đối với khu vực nông thôn.

### **2.4. Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại**

(16)- Hoàn thành 100% cuộc diễn tập ở các cấp, trọng tâm là diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh năm 2026; mỗi năm chỉ đạo 25% cơ sở cấp xã, phường diễn tập chiến đấu phòng thủ. 100% cán bộ các cấp trong hệ thống chính trị được bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh. Hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân hằng năm.

(17)- Không để xảy ra bạo loạn, khủng bố, vụ việc phức tạp về an ninh trật tự. Hằng năm, kiểm chế, kéo giảm ít nhất 5% số vụ phạm tội về trật tự xã hội; tiếp nhận, thụ lý 100% và giải quyết trên 90% tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố; công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; tỷ lệ điều tra, khám phá án đạt trên 75%, án rất nghiêm trọng trở lên đạt trên 90%; phấn đấu giảm ít nhất 5% tai nạn giao thông trên cả 3 tiêu chí; xây dựng 100% công an phường kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị.

### **2.5. Về xây dựng Đảng, hệ thống chính trị**

(18)- 100% cấp ủy, tổ chức đảng, 96% cán bộ, đảng viên, 80% quần chúng Nhân dân tham gia nghiên cứu, học tập có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng; trên 95% cán bộ, đảng viên nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền thực hiện tốt trách nhiệm nêu gương; phát động, tổ chức ít nhất 01 phong trào thi đua học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong Đảng bộ.

(19)- Hằng năm có trên 90% tổ chức đảng, đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; bình quân mỗi năm kết nạp từ 3-4% đảng viên mới trên tổng số đảng viên; 90% trưởng thôn, bản là đảng viên; giữ vững và nâng cao chất lượng của tổ chức đảng ở 100% thôn, bản, tổ dân phố.

(20)- 100% cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức các cấp đạt chuẩn trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị và được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng theo quy định.

(21)- Hoàn thành 100% các cuộc kiểm tra, giám sát đề ra; phấn đấu trên 60% tổ chức đảng và trên 50% số đảng viên là cấp ủy viên cùng cấp được kiểm tra hoặc giám sát. Giải quyết 100% đơn, thư tố cáo, khiếu nại về kỷ luật đảng thuộc thẩm quyền; kiểm soát tài sản, thu nhập đối với 100% đảng viên diện cấp ủy quản lý. Thực hiện chuyển đổi số toàn diện đáp ứng yêu cầu “giám sát trên dữ liệu, kiểm tra trên dữ liệu”.

(22)- 100% các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua “Dân vận khéo”. 100% cán bộ, công chức chuyên trách làm công tác dân vận cấp tỉnh và 90% cán bộ dân vận cơ sở được bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ về lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ công tác dân vận.

## **III- CÁC ĐỊNH HƯỚNG TRỌNG TÂM, ĐỘT PHÁ**

### **1. Các định hướng trọng tâm**

(1)- Phát triển nông nghiệp bền vững: Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp nhanh, bền vững, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, gắn với nhu cầu thị trường và bảo đảm tiêu chuẩn an toàn thực phẩm. Tích cực áp dụng khoa học, công nghệ vào nông nghiệp tuần hoàn, thông minh và hữu cơ. Phát triển giống cây trồng,

vật nuôi mới, giống bản địa có giá trị cao, phù hợp với lợi thế của địa phương. Xây dựng mô hình nông nghiệp kết hợp với du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng. Phát triển kinh tế trang trại, hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp và đẩy mạnh liên kết chuỗi giá trị, tuần hoàn, hướng tới phát triển nông nghiệp bền vững.

(2)- Phát triển công nghiệp và dịch vụ: Thúc đẩy mạnh mẽ phát triển công nghiệp sản xuất điện năng, công nghiệp chế biến nông, lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng, công nghệ số cùng các ngành dịch vụ, đặc biệt là dịch vụ du lịch, trở thành động lực chính cho tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh.

(3)- Cải cách đầu tư công và môi trường kinh doanh: Tập trung tái cơ cấu đầu tư công, thực hiện các giải pháp cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

(4)- Phát triển du lịch và văn hóa: Tập trung phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch, khai thác hiệu quả tiềm năng của các địa phương và lợi thế vùng để đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Điện Biên toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Phát huy giá trị bản sắc văn hóa, cảnh quan thiên nhiên, nguồn lực con người và hệ thống di tích lịch sử, nhất là Di tích quốc gia đặc biệt Chiến trường Điện Biên Phủ. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, môi trường văn hóa, giáo dục, y tế; nâng cao mức hưởng thụ văn hóa, đời sống tinh thần của Nhân dân. Khẳng định vai trò và vị thế của văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội.

(5)- Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, xây dựng lực lượng quân đội, công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại và hội nhập; giữ vững chủ quyền lãnh thổ, an ninh chính trị, an ninh biên giới, trật tự an toàn xã hội. Đẩy mạnh mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác, hội nhập quốc tế.

(6)- Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích nhân tài, chú trọng bồi dưỡng các phẩm chất chính trị thật sự trong sạch, vững mạnh toàn diện, giữ vững vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả, tạo sự chuyển biến căn bản trong công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức, cán bộ. Củng cố tổ chức đảng ở cơ sở, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo; không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên; tăng cường siết chặt kỷ luật, kỷ cương, thực hiện nghiêm trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp thật sự tiêu biểu về phẩm chất, năng lực và uy tín. Kiên quyết, kiên trì ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

(7)- Huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; giám sát phải mở rộng, kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm và có tính đột phá; kiểm soát quyền lực chặt chẽ; kiên quyết, kiên trì đẩy mạnh đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, phát huy mạnh mẽ vai trò của Nhân dân và dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng. Đẩy mạnh đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng kết hợp hài hòa giữa kế thừa, ổn định với đổi mới, phát triển, có bước đi thận trọng, vững chắc. Phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

## **2. Các đột phá**

### *(1)- Hoàn thiện cơ chế, chính sách và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh*

Tập trung nghiên cứu, ban hành hoặc đề xuất ban hành các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng, kinh tế nông, lâm nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp, chuyển dịch cơ cấu lao động và huy động các nguồn lực cho phát triển; tiếp tục xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh với trọng tâm là đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và cải cách thủ tục hành chính.

Tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, minh bạch, thuận lợi cho các thành phần kinh tế. Nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, cải thiện rõ rệt các chỉ số: Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI); cải cách hành chính (PAR INDEX); chuyển đổi số (DTI); đổi mới sáng tạo cấp tỉnh (PII);...

### *(2)- Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội*

Tập trung đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng đồng bộ, hiện đại, trong đó hạ tầng giao thông đi trước, tạo đột phá và là động lực phát triển của tỉnh. Đối với giao thông nội tỉnh, ưu tiên đầu tư, nâng cấp hệ thống đường tỉnh, nhựa hóa, bê tông hóa các tuyến kết nối trung tâm xã bảo đảm đi lại quanh năm; đầu tư xây dựng theo quy hoạch các tuyến đường nội thị. Đối với giao thông kết nối vùng tập trung hoàn thiện các thủ tục, điều kiện cần thiết để triển khai thực hiện Dự án cao tốc Mộc Châu - Sơn La - Điện Biên - Cửa khẩu Tây Trang theo quy hoạch; Dự án cải tạo, nâng cấp các tuyến quốc lộ 279, quốc lộ 4H kết nối với Bắc Lào và Trung Quốc. Triển khai các dự án hạ tầng lưới điện truyền tải (110 kV, 220 kV, 500 kV). Quan tâm đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng hạ tầng viễn thông, internet, hạ tầng dữ liệu, IoT, công nghệ dịch vụ và các nền tảng số bảo đảm dung lượng lớn, băng thông rộng, phổ cập, bền vững, xanh, thông minh, mở và an toàn.

Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội khu vực trung tâm

chính trị hành chính tỉnh, vùng phụ cận và các vùng sản xuất trọng điểm nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững; hoàn thành Khu trung tâm hành chính, chính trị tỉnh; đầu tư, nâng cấp trung tâm hành chính cấp xã bảo đảm đồng bộ; tập trung hoàn thiện hạ tầng phục vụ phát triển du lịch, dịch vụ. Đẩy mạnh đầu tư xây dựng mới công trình hồ chứa, thủy lợi phục vụ sản xuất, sinh hoạt, bảo vệ môi trường, sinh thái; tạo quỹ đất phát triển kinh tế - xã hội.

Tăng cường kêu gọi, thu hút các nhà đầu tư thực hiện các dự án thuộc danh mục ưu tiên giai đoạn 2025-2030, trọng tâm vào lĩnh vực du lịch (*các tổ hợp sinh thái nghỉ dưỡng, du lịch, vui chơi thể thao giải trí, sân golf...*), nông, lâm nghiệp, công nghiệp chế biến và sản xuất điện năng, tiếp tục phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở đồng bộ, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

*(3)- Tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số thúc đẩy phát triển*

Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cả về thể chất và trình độ chuyên môn, kỹ thuật. Phát huy vai trò của các cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh, như: Phân hiệu Đại học Thái Nguyên, Đại học FPT (sau khi thành lập và đi vào hoạt động). Triển khai đồng bộ các chính sách thu hút, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là trong các ngành ưu tiên như khoa học công nghệ, công nghiệp chế biến nông sản, dược liệu, khoáng sản, vật liệu xây dựng và sản xuất điện.

Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số gắn với phát triển kinh tế - xã hội. Cơ cấu lại các nhiệm vụ khoa học, công nghệ theo hướng bám sát thực tiễn, giải quyết các vấn đề cụ thể của địa phương; ưu tiên ứng dụng các công nghệ tiên tiến như công nghệ cao, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ xanh và tuần hoàn vào các lĩnh vực có tiềm năng, thế mạnh. Khuyến khích phát triển các sản phẩm, dịch vụ khoa học, công nghệ có giá trị gia tăng cao, mở rộng thị trường tiêu thụ.

Triển khai hiệu quả chuyển đổi số trên cả ba trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số góp phần nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc và bảo đảm quốc phòng, an ninh. Tập trung đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng và cơ sở dữ liệu số đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời kỳ mới.

*(4)- Đẩy mạnh phát triển dịch vụ, du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn với nhiều loại hình*

Tập trung khai thác hiệu quả các tiềm năng du lịch lịch sử, văn hóa dân tộc, thiên nhiên, trải nghiệm, nghỉ dưỡng và thể thao giải trí. Hỗ trợ, phát triển các sản phẩm du lịch đa dạng, chất lượng cao, hấp dẫn góp phần tăng thời gian lưu trú trên địa bàn và chi tiêu của du khách. Đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển Khu du lịch quốc gia Điện Biên Phủ - Pá Khoang đạt tiêu chí và được công nhận khu du lịch quốc gia. Tăng cường quảng bá du lịch qua các kênh truyền thông quốc gia, quốc tế

và các nền tảng mạng xã hội.

Tăng cường liên kết, hợp tác phát triển du lịch với các địa phương trong nước và quốc tế có mối quan hệ gắn kết với tỉnh Điện Biên để thu hút đầu tư xây dựng và phát triển các chương trình du lịch, tổ chức các hoạt động xúc tiến, quảng bá; tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp lữ hành và hãng hàng không để quảng bá điểm đến, sản phẩm du lịch, xúc tiến mở các đường bay mới kết nối với các thị trường khách du lịch tiềm năng.

*(5)- Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp theo hướng chất lượng, giá trị gia tăng cao, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu*

Phát triển nông nghiệp bền vững, hình thành các vùng hàng hóa tập trung với mã số vùng trồng, giống đặc cách, chỉ dẫn địa lý và bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm, gắn với nhu cầu thị trường. Tiếp tục phát triển các cây trồng chủ lực như mắc ca, cao su, cà phê, chè, quế, lúa, ngô, sắn,... thành vùng nguyên liệu và xây dựng nhà máy chế biến sâu. Phát triển rừng nguyên liệu phục vụ chế biến gỗ và năng lượng sinh khối, ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng và quản lý, bảo vệ rừng; xã hội hóa đầu tư lâm nghiệp và phát triển dịch vụ môi trường rừng, tham gia thị trường tín chỉ carbon.

Ứng dụng khoa học, công nghệ trong chế biến nông, lâm sản, phát triển sản phẩm OCOP đạt chất lượng quốc gia, tăng cường chuyển đổi số trong sản xuất và tiêu thụ nông sản. Thúc đẩy nông nghiệp tuần hoàn, hữu cơ và canh tác lúa thông minh, đồng thời khảo nghiệm giống cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao. Thu hút đầu tư phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung, quy mô lớn và phát triển kinh tế trang trại, hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp, gắn kết sản xuất theo chuỗi giá trị, nâng cao giá trị sản phẩm chăn nuôi.

### **3. Các đề án, chương trình trọng điểm**

Trên cơ sở đánh giá, tổng kết việc tổ chức thực hiện các nghị quyết chuyên đề, chương trình, đề án trọng điểm trên các lĩnh vực giai đoạn 2020-2025 và yêu cầu nhiệm vụ giai đoạn tới; giai đoạn 2025-2030, tiếp tục triển khai hoặc ban hành các nghị quyết, chương trình, đề án trong đó: Về lĩnh vực kinh tế - xã hội có 09 nội dung; về lĩnh vực quốc phòng - an ninh và đối ngoại có 04 nội dung; về lĩnh vực xây dựng đảng, hệ thống chính trị có 08 nội dung (*Có Phụ lục 01 kèm theo*).

## **IV- CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **1. Về phát triển kinh tế**

**1.1. Tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, phát triển kinh tế vùng**

Tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng phát triển xanh, thông minh, bền vững, tuần hoàn, nâng cao năng suất, chất

lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh. Phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản hiện đại, hiệu quả, gắn với chuỗi giá trị hàng hóa chất lượng cao. Khai thác hiệu quả tiềm năng công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến nông, lâm sản (*cà phê, mắc ca, sắn,...*), sản xuất điện năng từ thủy điện, điện gió, điện sinh khối. Phát triển ngành xây dựng thành động lực tăng trưởng, gắn với phát triển du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí và đầu tư hạ tầng giao thông, đô thị. Cơ cấu lại lĩnh vực thương mại theo hướng hiện đại, số hóa, thúc đẩy kinh tế số, kinh tế cửa khẩu, biên mậu. Đẩy mạnh phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, trọng tâm là du lịch lịch sử, sinh thái, nghỉ dưỡng và thể thao giải trí. Cơ cấu lại chi ngân sách theo hướng giảm chi thường xuyên, tăng chi đầu tư phát triển, ưu tiên cho nông nghiệp, du lịch, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Tập trung phát triển không gian kinh tế theo mô hình 04 trục động lực - 03 vùng kinh tế - 04 cực tăng trưởng theo quy hoạch. Phát triển các trục kinh tế động lực dọc theo quốc lộ 279 và tuyến cao tốc Điện Biên - Sơn La - Hà Nội gắn với Cảng hàng không Điện Biên; trục quốc lộ 12; quốc lộ 6; quốc lộ 4H kết nối vùng phía Tây của tỉnh. Vùng kinh tế I (vùng động lực) phát triển đa ngành: Nông, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp chế biến, thương mại, dịch vụ, du lịch; Vùng kinh tế II tập trung phát triển nông, lâm nghiệp, công nghiệp chế biến và du lịch; Vùng kinh tế III phát triển nông, lâm nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch. Bốn cực tăng trưởng gồm: Vùng lòng chảo Điện Biên Phủ; khu vực Mường Lay; vùng Tuần Giáo - Quài Tở; vùng Mường Nhé - Sín Thầu gắn với cửa khẩu A Pa Chải. Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội trên không gian số; ưu tiên phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực trung tâm chính trị, hành chính tỉnh trở thành một trong những đô thị lớn của tiểu vùng Tây Bắc, trung tâm du lịch lịch sử, cách mạng quốc gia, cửa ngõ giao thương với Lào và các nước ASEAN. Có chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển đối với các xã vùng sâu, vùng xa, địa bàn xa các cực tăng trưởng.

### **1.2. Tập trung phát triển nông nghiệp bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới**

Đổi mới mô hình tăng trưởng trong nông nghiệp theo hướng chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp; cơ cấu lại ngành nông nghiệp dựa trên tiềm năng, lợi thế của từng vùng, gắn với phát triển chuỗi giá trị. Phát triển các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, liên kết tiêu thụ sản phẩm; chú trọng sản xuất giống cây trồng, vật nuôi theo quy hoạch. Phát triển nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, đặc sản; nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm, bảo đảm an toàn thực phẩm và an ninh lương thực. Tăng cường quản lý vật tư nông nghiệp, phòng chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi. Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững; phát huy giá trị rừng, đất rừng và trao đổi tín chỉ carbon. Đẩy mạnh đầu tư hạ tầng nông nghiệp, thu hút doanh nghiệp đầu tư, tạo động lực để phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, đòi

sống cho người dân nông thôn. Tiếp tục thực hiện hiệu quả, bền vững Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động và xây dựng nông thôn hiện đại.

### **1.3. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp**

Khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh, trọng tâm là phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản theo hướng chế biến sâu, phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu; phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, du lịch và sản xuất vật liệu xây dựng. Khuyến khích khai thác khoáng sản theo hướng sử dụng công nghệ cao, ít gây ô nhiễm và hiệu quả kinh tế. Phát triển ngành công nghiệp điện năng trên nền tảng khai thác bền vững các nguồn năng lượng tái tạo (*thủy điện, điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối, điện rác*). Phân đầu đến năm 2030, hoàn thành và đưa vào vận hành các dự án năng lượng với tổng công suất tăng thêm từ 700-800 MW<sup>50</sup> và hạ tầng lưới điện truyền tải. Vận hành an toàn, hiệu quả các dự án thủy điện hiện có; tiếp tục thực hiện các dự án cấp điện nông thôn, tăng cường khả năng tự lực điện năng tại khu vực khó khăn. Hoàn thiện và thực hiện hiệu quả chính sách khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn gắn với bảo tồn, phát triển làng nghề, sản phẩm thủ công, mỹ nghệ, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập và xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng các cụm công nghiệp đã được quy hoạch chi tiết (*Na Hai, Đông Tuấn Giáo, Hồn hợp Mường Áng*); nghiên cứu, lập quy hoạch và kêu gọi đầu tư phát triển các cụm công nghiệp mới theo quy hoạch được duyệt.

### **1.4. Phát triển du lịch, thương mại, dịch vụ, kinh tế biên mậu**

Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo phát triển du lịch, phát huy vai trò của Hiệp hội Du lịch tỉnh trong hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh. Phát triển thương hiệu du lịch Điện Biên gắn với lịch sử, truyền thống, bản sắc văn hóa các dân tộc. Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch; ban hành cơ chế, chính sách đặc thù để thu hút đầu tư, phát triển các loại hình du lịch mới, cao cấp. Ưu tiên đầu tư các khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, khách sạn, sân golf, khu vui chơi giải trí đa chức năng, khai thác nước khoáng nóng và xây dựng khu biểu diễn thực cảnh Chiến trường Điện Biên Phủ. Đẩy mạnh liên kết, hợp tác phát triển du lịch; mở các đường bay mới kết nối với các trung tâm du lịch trong nước và quốc tế.

Phát triển hạ tầng thương mại hiện đại; nâng cấp hệ thống chợ, trung tâm thương mại, siêu thị, nhất là chợ biên giới và cửa khẩu; phát triển thương mại điện tử, mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên và sản phẩm đặc trưng của tỉnh; phát triển các mặt hàng đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu. Khai thác

<sup>50</sup> Bao gồm: 05 dự án điện mặt trời (khoảng 500 MW); 09 dự án thủy điện nhỏ (117,5 MW); khoảng 200 MW điện gió.

hiệu quả lợi thế từ các cửa khẩu với Lào và Trung Quốc; đầu tư đồng bộ hạ tầng thương mại biên giới gắn với kế hoạch phát triển kinh tế cửa khẩu, ưu tiên đầu tư hoàn thiện hạ tầng khu vực cửa khẩu A Pa Chải - Long Phú. Tăng cường thu hút nguồn lực, cải thiện đời sống cư dân biên giới, góp phần bảo đảm an ninh, quốc phòng và phát triển bền vững vùng biên.

### ***1.5. Tiếp tục huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển; phát triển các thành phần kinh tế***

Huy động tối đa các nguồn lực cho đầu tư phát triển, đặc biệt là tăng cường thu hút vốn từ khu vực tư nhân. Sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công, bảo đảm phân bổ có trọng tâm, trọng điểm, công khai, minh bạch và tránh lãng phí. Mục tiêu là hoàn thiện hạ tầng giao thông, kỹ thuật và xã hội tại các khu vực trọng điểm, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Khuyến khích khu vực tư nhân tham gia các dự án theo danh mục kêu gọi đầu tư đến năm 2030. Tạo môi trường đầu tư bình đẳng, hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân phát triển mạnh mẽ theo Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị, tạo điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư khảo sát và tìm hiểu cơ hội đầu tư tại tỉnh.

### ***1.6. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tích cực và nâng cao hiệu quả hợp tác trong nước và hội nhập quốc tế***

Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 12-NQ/TU của Tỉnh uỷ, tập trung thu hút nguồn lực đầu tư từ khu vực tư nhân và lựa chọn các dự án có vốn đầu tư nước ngoài phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh. Ưu tiên sử dụng ngân sách nhà nước kết hợp với các nguồn lực xã hội và mô hình đối tác công tư để thực hiện các công trình trọng điểm, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và liên kết vùng. Tăng cường xã hội hóa đầu tư, đa dạng hóa nguồn vốn để phát triển kết cấu hạ tầng và sản xuất kinh doanh. Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng hợp tác với các tỉnh, địa phương trong khu vực nhằm phát triển các ngành công nghiệp, nông nghiệp, thương mại, du lịch và kết nối giao thông.

### ***1.7. Tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu***

Thường xuyên quán triệt, tuyên truyền và hướng dẫn triển khai các chủ trương, chính sách về tài nguyên và môi trường; chủ động rà soát, tháo gỡ khó khăn, đề xuất phương án nâng cao hiệu quả sử dụng đất, khắc phục tình trạng lãng phí tài nguyên đất đai và khoáng sản. Chú trọng bảo vệ môi trường trong xây dựng quy hoạch, kế hoạch, đề án phát triển kinh tế - xã hội và các chương trình, dự án đầu tư. Nâng cao hiệu quả đánh giá tác động môi trường, kiểm soát ô nhiễm, xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm. Xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, chủ động theo dõi diễn biến thời tiết và xác định các vùng trọng điểm có nguy cơ sạt lở, lũ quét để xây dựng phương án phòng ngừa.

### ***1.8. Tăng cường liên kết nội vùng, liên vùng***

Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện thể chế theo các cơ chế, chính sách phân cấp từ Trung ương, đặc biệt là các cơ chế, chính sách đặc thù phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh. Mục tiêu là đáp ứng yêu cầu quản lý địa phương, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, khả thi, công khai, minh bạch và dễ tiếp cận. Kịp thời thể chế hóa các chính sách, pháp luật của Trung ương, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh. Tập trung triển khai hiệu quả Quy hoạch tỉnh Điện Biên, bảo đảm tính liên kết, đồng bộ, hiệu quả và bền vững, phù hợp với các quy hoạch ngành cấp quốc gia và quy hoạch vùng được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cải tạo nâng cấp, nâng cao khả năng kết nối, vận tải tuyến Điện Biên - Lai Châu - Sa Pa.

## **2. Về văn hóa - xã hội**

### ***2.1. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo theo hướng toàn diện, đáp ứng nhu cầu học tập của xã hội***

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo các cấp học, đáp ứng yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực người học và nâng cao giáo dục thể chất, nhằm cải thiện chất lượng nguồn nhân lực, tạo việc làm, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Bảo đảm các điều kiện thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 3-5 tuổi; duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2. Tạo điều kiện phát triển các cơ sở giáo dục đại học, đặc biệt là Trường Cao đẳng Điện Biên sau khi thành lập.

Thực hiện Đề án xây dựng xã hội học tập và tham gia mạng lưới thành phố học tập toàn cầu. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong giáo dục, hợp tác đào tạo với các tỉnh Bắc Lào, Vân Nam (Trung Quốc) và các tỉnh Bắc Thái Lan giai đoạn 2025-2030, định hướng đến năm 2035.

### ***2.2. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số***

Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thực hiện đổi mới toàn diện công tác quản lý từ cấp tỉnh đến cơ sở theo hướng công khai, minh bạch, đơn giản hóa thủ tục hành chính. Chuyển đổi số quy trình quản lý và cơ sở dữ liệu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, cải cách chế độ tài chính và thanh quyết toán, chấp nhận nguyên tắc rủi ro và độ trễ trong hoạt động khoa học. Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư.

Tăng cường nâng cao số lượng và chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, phổ cập hạ tầng số, phát triển kinh tế số ngành, dữ liệu số để tạo động lực phát triển kinh

tế số, xã hội số địa phương. Hoàn thiện các hệ thống, nền tảng dùng chung, tích hợp, kết nối, chia sẻ thông tin với các cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành, phục vụ chỉ đạo điều hành các cấp chính quyền. Bảo đảm nguồn lực thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án, dự án chuyển đổi số.

### ***2.3. Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống y tế và nâng cao chất lượng công tác dân số***

Củng cố và hoàn thiện hệ thống y tế, đặc biệt là y tế cơ sở. Tăng cường hiệu quả hoạt động y tế - dân số, thực hiện các chương trình quốc gia về y tế, trọng tâm là phòng, chống HIV/AIDS, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe sinh sản, tiêm chủng, phòng, chống bệnh không lây nhiễm. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi và thu hút nhân lực ngành y tế; cải thiện chất lượng khám, chữa bệnh, tăng cường phòng, chống dịch bệnh và phát triển hệ thống y tế dự phòng. Phát triển bảo hiểm y tế toàn dân, tăng cường quản lý và chống lạm dụng quỹ bảo hiểm y tế.

### ***2.4. Phát triển văn hóa, thể thao sâu rộng bền vững, gắn với nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân***

Tiếp tục thực hiện hiệu quả các nghị quyết của Trung ương về phát triển văn hóa, con người toàn diện, đặc biệt là Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa và Chiến lược phát triển văn hóa Việt Nam. Chăm lo phát triển con người Điện Biên theo hướng toàn diện, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, tiến bộ, văn minh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh.

Tăng cường đầu tư cho văn hóa tương xứng với tăng trưởng kinh tế, chú trọng phát triển thiết chế văn hóa cơ sở, bảo tồn bản sắc dân tộc kết hợp với du lịch. Triển khai thực hiện tốt Quy hoạch bảo tồn, tu bổ và phát huy giá trị di tích Chiến trường Điện Biên Phủ.

Đẩy mạnh Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ”, phát triển phong trào thể dục thể thao, nâng cao chất lượng giáo dục thể chất và đầu tư cho thể thao thành tích cao. Phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, hợp tác quốc tế về văn hóa, thể thao, đáp ứng yêu cầu hội nhập.

### ***2.5. Nâng cao chất lượng công tác thông tin, truyền thông và báo chí tạo sự đồng thuận trong xã hội***

Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, phổ cập hạ tầng số, phát triển kinh tế số và dữ liệu số, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số của địa phương. Hoàn thiện hệ thống nền tảng dùng chung, tích hợp, kết nối và chia sẻ thông tin dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành, phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành các cấp chính quyền. Đảm bảo nguồn lực thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án chuyển đổi số.

Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, định hướng công tác thông tin báo chí, bám sát tình hình thực tiễn, xu hướng phát triển, trọng tâm trọng điểm. Đảm bảo công tác phát ngôn và cung cấp thông tin thống nhất, kịp thời, thuyết phục, nhất là các vấn đề quan trọng, nhạy cảm. Đổi mới, nâng cao chất lượng báo chí, tạo ra tác phẩm có giá trị, tác động xã hội lớn, đáp ứng nhu cầu thông tin của Nhân dân, tạo sự chia sẻ, đồng thuận, ủng hộ từ cộng đồng.

## ***2.6. Bảo đảm an sinh xã hội gắn với giảm nghèo, lao động, việc làm và giải quyết các vấn đề xã hội***

Tiếp tục thực hiện mục tiêu giải quyết việc làm, dạy nghề, nâng cao chất lượng việc làm và thu nhập cho người lao động, giảm thất nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách an sinh xã hội, huy động nguồn lực hỗ trợ đối tượng chính sách, người có công, thực hiện đền ơn đáp nghĩa, trợ giúp xã hội. Triển khai giải pháp giảm nghèo bền vững, nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống cho hộ nghèo, cận nghèo và dân cư vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số. Tiếp tục thu hút đầu tư phát triển nhà ở xã hội cho đối tượng chính sách.

Thực hiện các chương trình phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn, hỗ trợ ổn định dân cư. Tăng cường chính sách bảo vệ trẻ em, xây dựng xã, phường phù hợp với trẻ em, thực hiện bình đẳng giới, nâng cao vị thế phụ nữ trong giáo dục, việc làm, chăm sóc sức khỏe và tham gia lãnh đạo, quản lý.

## ***2.7. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác dân tộc và tôn giáo***

Huy động nguồn lực và triển khai hiệu quả các chương trình, chính sách dân tộc, đặc biệt là Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2030 (giai đoạn II: 2026-2030) nhằm mục tiêu giảm nghèo bền vững, giảm số xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn. Tạo chuyển biến căn bản về kinh tế, văn hóa, xã hội và phát triển đội ngũ cán bộ, người có uy tín trong cộng đồng dân tộc thiểu số.

Tiếp tục thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước về tôn giáo, tăng cường tuyên truyền, vận động chức sắc, tín đồ tham gia phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh. Đấu tranh chống âm mưu phá hoại đoàn kết dân tộc qua vấn đề tôn giáo; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về tôn giáo, giải quyết kịp thời các kiến nghị, đề xuất và hướng dẫn tín đồ sinh hoạt tôn giáo đúng pháp luật.

## ***3. Quốc phòng - an ninh và đối ngoại***

### ***3.1. Tăng cường công tác quân sự, quốc phòng địa phương gắn với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội***

Tiếp tục quán triệt, triển khai các quan điểm, chủ trương, chiến lược của Đảng, Nhà nước về quân sự, quốc phòng, biên phòng nhất là chiến lược bảo vệ biên giới

quốc gia và chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chức năng của Lào và Trung Quốc bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia, xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Triển khai hiệu quả Đề án của Bộ Chính trị về xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân trong nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân ở khu vực biên giới. Quan tâm đầu tư xây dựng, củng cố các tiềm lực trong khu vực phòng thủ; xây dựng và phát huy mạnh mẽ “thế trận lòng dân” trong nền quốc phòng toàn dân, nền biên phòng toàn dân; chủ động, sẵn sàng ứng phó kịp thời với các đe dọa an ninh phi truyền thống, nhất là nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh; nắm chắc tình hình, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Thực hiện nghiêm túc chức năng biên chế theo quyết định của Bộ Quốc phòng. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội gắn với xây dựng, củng cố quốc phòng, an ninh; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Xây dựng lực lượng vũ trang tinh “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại”, phấn đấu đến năm 2030 xây dựng lực lượng vũ trang tinh hiện đại, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và Nhân dân, kiên định với mục tiêu, lý tưởng cách mạng của Đảng, bảo đảm chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong mọi tình huống. Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu và dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp; đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác huấn luyện, luyện tập, diễn tập các cấp; công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng; tuyển quân, dân vận. Thực hiện tốt chính sách đối với lực lượng vũ trang và chính sách hậu phương quân đội.

### ***3.2. Bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội***

Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược bảo vệ Tổ quốc, Chiến lược an ninh quốc gia trong tình hình mới. Tăng cường tiềm lực an ninh, xây dựng lực lượng Công an tinh thật sự trong sạch, vững mạnh, cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Xây dựng các phương án, kế hoạch bảo đảm an ninh, trật tự trong mọi tình huống. Nắm chắc tình hình, chủ động phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, đối tượng phản động, không để bị động, bất ngờ, không để xảy ra gây rối, bạo loạn, hình thành “điểm nóng” về an ninh, trật tự; triển khai đồng bộ các giải pháp phòng ngừa, đấu tranh giải quyết các vấn đề tiềm ẩn phức tạp trong vùng dân tộc, tôn giáo; kéo giảm tội phạm, đẩy lùi tệ nạn xã hội; giảm thiểu tai nạn giao thông, cháy nổ; hoàn thiện và ứng dụng, khai thác hiệu quả dữ liệu dân cư, dữ liệu căn cước công dân, các tiện ích của Đề án 06. Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, gắn với các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước. Tăng cường hợp tác quốc tế về an ninh, trật tự, góp phần duy trì môi trường và biên

giới hòa bình, ổn định.

### ***3.3. Hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế***

Tăng cường, mở rộng quan hệ hữu nghị đặc biệt, hợp tác toàn diện với các tỉnh Bắc Lào. Duy trì và mở rộng quan hệ hợp tác với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc). Đẩy mạnh quan hệ hợp tác với các tỉnh Bắc Thái Lan, thúc đẩy việc ký kết biên bản hợp tác chính thức với tỉnh Chiềng Rai. Triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung hợp tác đã ký kết với các tổ chức, địa phương các nước. Tăng cường kết nối, thiết lập quan hệ, thúc đẩy hợp tác với một địa phương của nước Cộng hoà Dominicana, Nhật Bản, Pháp,... đại sứ quán các nước tại Việt Nam, các cơ quan, tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài nhằm thu hút nguồn lực hỗ trợ, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Triển khai hiệu quả hoạt động kinh tế đối ngoại, hợp tác kinh tế quốc tế, đẩy mạnh hỗ trợ quảng bá, xúc tiến hợp tác, tận dụng hiệu quả các nguồn lực nước ngoài trong quá trình hợp tác quốc tế. Tăng cường hoạt động đối ngoại nhân dân; tạo điều kiện cho các tổ chức đoàn thể, Nhân dân hai bên biên giới tổ chức, tham gia các hoạt động giao lưu, hợp tác kinh doanh, y tế, giáo dục,...; tiếp tục triển khai kết nghĩa xã, bản, cụm dân cư hai bên biên giới.

## **4. Xây dựng chính quyền các cấp theo hướng tinh gọn, trong sạch, hoạt động hiệu lực hiệu quả**

### ***4.1. Hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp***

Không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp; thực hiện tốt hơn nữa vai trò cơ quan dân cử, cơ quan quyền lực nhà nước tại địa phương, nhất là trong việc ban hành cơ chế, chính sách của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương. Các chính sách, quyết sách do Hội đồng nhân dân ban hành phải bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy, tuân thủ quy định pháp luật, xuất phát từ yêu cầu thực tế, bảo đảm tính toàn diện, thống nhất, kịp thời, khả thi, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng nguyện vọng, kỳ vọng của Nhân dân. Tiếp tục đổi mới công tác tổ chức các kỳ họp Hội đồng nhân dân và các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân; đổi mới phương thức, nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính chuyên nghiệp của hoạt động chất vấn, giải trình; phát huy vai trò, hiệu quả của hoạt động giám sát, tập trung vào những vấn đề trọng tâm, có tác động lớn đến đời sống Nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa Hội đồng nhân dân với Ủy ban nhân dân, các cơ quan Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các cơ quan liên quan trong xây dựng chính sách, các chương trình, đề án, dự án lớn của địa phương và trong công tác tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân, hoạt động giám sát. Tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội thứ XVI và bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp,

nhiệm kỳ 2026-2031.

#### **4.2. Hoạt động của Ủy ban nhân dân các cấp**

Lãnh đạo, chỉ đạo UBND các cấp kịp thời cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy bảo đảm tinh gọn, nâng cao hiệu quả quản lý, quản trị phát triển đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ và ban hành các cơ chế, chính sách hiệu quả phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế; thực hiện quyết liệt các giải pháp chỉ đạo, điều hành trên các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, đối ngoại, phấn đấu đạt các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Đẩy mạnh toàn diện công tác cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, giảm mạnh các thủ tục hành chính trong hoạt động; tăng cường phân công, phân cấp quản lý hành chính gắn với nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, các địa phương. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan chuyên môn và UBND cấp dưới; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; kịp thời rà soát, giải quyết triệt để, hiệu quả những vấn đề còn tồn tại, hạn chế trong lĩnh vực kinh tế - xã hội; quan tâm giải quyết thấu đáo tâm tư, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân.

#### **4.3. Hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh**

Tiếp tục đổi mới về phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật; tăng cường phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cơ quan, tổ chức liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn.

Phát huy vai trò của Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội trong hoạt động giám sát việc thi hành hiến pháp, pháp luật, các nghị quyết của Quốc hội và những vấn đề được dư luận xã hội và cử tri quan tâm, hoàn thành chương trình giám sát hằng năm; tiếp tục đổi mới các hình thức tham gia xây dựng luật, tiếp xúc cử tri, tiếp công dân; kịp thời phản ánh kiến nghị của cử tri với Đảng, Nhà nước.

### **5. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, nâng cao vai trò và hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội**

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động theo hướng gắn bó thường xuyên, mật thiết với Nhân dân. Tiếp tục tuyên truyền, vận động, tập hợp đoàn viên, hội viên, các tầng lớp Nhân dân thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước; kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân, tập hợp khối đoàn kết các dân tộc, phát huy quyền làm chủ và trí tuệ của Nhân dân. Chủ động tham mưu, đề xuất với cấp ủy, chính quyền xem xét, giải quyết, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân.

Tăng cường công tác phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội với các cơ quan Nhà nước trong công tác giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền; xây dựng lực lượng cốt cán ở cơ sở, phát huy vai trò của đội ngũ cốt cán, người có uy tín trong cộng đồng, trong các dân tộc, tôn giáo trong công tác vận động quần chúng; vận động Nhân dân tích cực hưởng ứng, tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, đặc biệt là cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; tiếp tục vận động và triển khai các hoạt động hỗ trợ của Quỹ “Vì người nghèo” để xây dựng, sửa chữa nhà đại đoàn kết, hỗ trợ sinh kế cho người nghèo.

## **6. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng**

### ***6.1. Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức***

Tiếp tục tuyên truyền, giáo dục, quán triệt sâu sắc, rộng rãi cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân kiên định chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; nâng cao năng lực hoạch định chủ trương, định hướng phát triển, cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng phù hợp với thực tiễn; coi trọng năng lực dự báo, ứng phó với tình hình; thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; giáo dục nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của công tác tư tưởng, lý luận cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân; giáo dục truyền thống cách mạng của Đảng ta qua 100 năm thành lập và phát triển. Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, ngăn chặn đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Chú trọng bồi dưỡng ý thức giác ngộ chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho đoàn viên, hội viên và Nhân dân, đặc biệt ở các vùng dân tộc thiểu số, vùng đồng bào có đạo, vùng sâu, vùng xa. Đổi mới căn bản nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục lý luận chính trị theo hướng khoa học, sáng tạo, hiện đại và gắn lý luận với thực tiễn.

Thực hiện nghiêm quy định chuẩn mực đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tu dưỡng, rèn luyện, thực hành đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên gắn với thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Tăng cường giám sát xã hội, giám sát dư luận về tư cách đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên thông qua lấy ý kiến tại nơi công tác và khu dân cư. Thực hiện nghiêm túc, quyết liệt, hiệu quả các quy định về trách nhiệm nêu gương, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII và Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh bằng sự nêu gương của cán bộ, đảng viên, hội viên, đoàn viên, tạo sự lan tỏa sâu rộng, tích cực trong Đảng và toàn xã hội. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động tuyên giáo và dân vận.

### ***6.2. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện công tác tổ chức xây dựng Đảng***

Tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, học tập, nghiên cứu, cụ thể hóa

để tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả các nghị quyết, kết luận của Trung ương về công tác tổ chức xây dựng Đảng.

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong thời kỳ mới. Triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp. Quan tâm xây dựng và triển khai Đề án tạo nguồn cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo yêu cầu, nhiệm vụ chính trị của địa phương; xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có bản lĩnh chính trị vững vàng, tinh thông nghiệp vụ, gương mẫu, công tâm, trách nhiệm trong thực thi công vụ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Tiếp tục triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả các nghị quyết, kết luận, kế hoạch của Trung ương, đề án của Tỉnh ủy về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới. Phát huy vai trò của cán bộ xã trong công tác tuyên truyền, vận động, tổ chức thực hiện nhiệm vụ; đưa cán bộ xã thực hiện nhiệm vụ bí thư, trưởng bản, giữ vai trò nòng cốt để dẫn dắt, giúp Nhân dân phát triển kinh tế, nâng cao đời sống.

Chú trọng nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức, gắn với nhiệm vụ, quyền hạn của đảng viên, tạo chuyển biến về chất lượng hoạt động của từng loại hình tổ chức cơ sở đảng, nhất là cấp cơ sở. Quan tâm xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cấp ủy viên, bí thư cấp ủy và chủ trương bố trí trưởng thôn, bản, tổ dân phố là đảng viên. Đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ bí mật của Đảng, Nhà nước; chủ động nắm chắc tình hình chính trị nội bộ trên địa bàn; tăng cường các biện pháp đấu tranh phòng, chống âm mưu, phương thức, thủ đoạn của các thế lực thù địch, tổ chức phản động, phần tử cơ hội, bất mãn chính trị; bảo vệ Đảng, cán bộ, đảng viên. Kiên quyết không để lọt vào cấp uỷ, lãnh đạo, quản lý các cấp những người không bảo đảm tiêu chuẩn chính trị.

### ***6.3. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng***

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các quy định, hướng dẫn về công tác kiểm tra, giám sát tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, trách nhiệm và quyết tâm chính trị của cấp ủy, tổ chức đảng, nhất là người đứng đầu về công tác kiểm tra, giám sát. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng theo phương châm giám sát phải thường xuyên và mở rộng, kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm, gắn với thực hiện các nghị quyết của Đảng, thực

hiện nhiệm vụ chính trị của từng cấp ủy, tổ chức đảng. Chủ động phát hiện sớm, ngăn ngừa các vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan ủy ban kiểm tra; đổi mới nội dung, phương pháp kiểm tra, giám sát đáp ứng yêu cầu “giám sát trên dữ liệu, kiểm tra trên dữ liệu”.

Nâng cao hiệu quả tự kiểm tra, tự giám sát; giám sát thường xuyên và giám sát chuyên đề trong đó mở rộng giám sát các địa bàn, lĩnh vực, tổ chức đảng có biểu hiện mất đoàn kết, có vấn đề phức tạp mới nảy sinh, dư luận xã hội quan tâm; nâng cao tính chủ động để kịp thời nhắc nhở, cảnh báo, phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm từ sớm, từ xa. Xử lý kỷ luật nghiêm minh, kịp thời, triệt để, đồng bộ các tổ chức đảng, đảng viên vi phạm; giải quyết kịp thời đơn, thư tố cáo, khiếu nại về kỷ luật đảng. Thực hiện liêm chính, giáo dục liêm chính cho cán bộ, công chức nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực. Phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa các cơ quan kiểm tra, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử và các cơ quan quản lý nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong hoạt động kiểm tra, giám sát. Tăng cường phối hợp giữa giám sát của Đảng với giám sát của Hội đồng nhân dân và giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội để tăng cường sức mạnh tổng hợp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả giám sát, kiểm tra. Phát huy vai trò nòng cốt của ủy ban kiểm tra các cấp gắn với phát huy vai trò của các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy trong kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm kỷ luật đảng.

#### ***6.4. Tăng cường công tác dân vận, thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, thật sự dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng***

Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác dân vận của hệ thống chính trị trong tình hình mới; củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước. Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền để nâng cao nhận thức cho các tầng lớp Nhân dân. Phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, thực hiện tốt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Tập hợp, vận động Nhân dân thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. nêu cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức đối với công tác dân vận ở từng cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị; thực hiện tốt công tác dân vận chính quyền; đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phong trào thi đua “Dân vận khéo” trong các cơ quan nhà nước; công tác dân vận trong bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án đầu tư công trọng điểm, các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh và trong xây dựng nông thôn mới; xây dựng chính quyền thân thiện. Tăng cường công tác nắm tình hình Nhân dân, kịp thời tham mưu giải quyết những bức xúc, kiến nghị, đề xuất chính đáng của Nhân dân.

#### ***6.5. Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác nội chính, cải cách tư pháp; đẩy mạnh, kiên quyết, kiên trì đấu tranh, ngăn chặn, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực***

Tiếp tục phổ biến, quán triệt, triển khai, cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác nội chính, cải cách tư pháp và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia, an ninh nội địa, nội bộ. Tăng cường công tác quản lý các hoạt động tôn giáo, quản lý địa bàn và quản lý công dân.

Các cơ quan tiến hành tố tụng, thi hành án tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đơn đốc các đơn vị trực thuộc thực hiện tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ của ngành giao; giải quyết các loại án đúng pháp luật, không để xảy ra oan, sai, bỏ lọt tội phạm; bảo đảm việc thi hành các bản án, quyết định của Tòa án. Tăng cường công tác xử lý, đơn đốc việc thực hiện dứt điểm các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý sau kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán. Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các quy định của Đảng, pháp luật Nhà nước về tiếp công dân và xử lý đơn thư, hạn chế đơn, thư kéo dài, vượt cấp, nhất là đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến thực hiện các dự án trọng điểm của tỉnh. Tăng cường ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào hoạt động.

Tham gia xây dựng, tổ chức thực hiện tốt chế định tố tụng tư pháp lấy xét xử là trung tâm, tranh tụng là đột phá; bảo đảm tố tụng tư pháp dân chủ, công bằng, văn minh, pháp quyền, hiện đại, nghiêm minh, dễ tiếp cận, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân; bảo đảm tính độc lập của Tòa án, của thẩm phán và Hội thẩm nhân dân, nâng cao hiệu quả cơ chế Nhân dân tham gia xét xử tại tòa án. Thực hiện tốt công tác xây dựng, kiểm tra, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; nâng cao chất lượng quản lý nhà nước trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý, hành chính tư pháp.

Tăng cường năng lực và kiên quyết, kiên trì trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; kết hợp chặt chẽ giữa tích cực phòng ngừa với chủ động phát hiện, xử lý nghiêm minh, kịp thời hành vi vi phạm. Đẩy mạnh kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong công tác cán bộ, kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, hoạt động thanh tra, kiểm toán, hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công,...; gắn phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực với phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc. Phát huy vai trò giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức thành viên đối với hoạt động, việc thực thi pháp luật và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong các cơ quan chức năng và trong lĩnh vực nội chính, cải cách tư pháp, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

#### ***6.6. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng***

Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 86-KH/TU, ngày 20/3/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày

17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Phát huy tính chủ động, vai trò của người đứng đầu các cấp ủy, tổ chức đảng; phân công nhiệm vụ, chịu trách nhiệm trong từng việc, từng nội dung cụ thể cho các đồng chí thường trực cấp ủy; kịp thời rà soát, sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc của cấp ủy các cấp phù hợp với tình hình thực tế. Chỉ đạo tổ chức triển khai chuyên đổi số trong các cơ quan, tổ chức đảng; áp dụng kiến trúc chuyên đổi số thống nhất trong các cơ quan đảng, phiên bản 2.0 trong tỉnh và thúc đẩy cải cách hành chính trong Đảng bộ.

Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành đồng bộ các văn bản về công tác tổ chức bộ máy, cán bộ. Đổi mới trong đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, đảng viên, đánh giá, xếp loại cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức hằng năm. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện các khâu trong công tác cán bộ; kịp thời khắc phục, chấn chỉnh những hạn chế, bất cập, ngăn chặn tiêu cực trong công tác cán bộ; kịp thời thay thế những cán bộ năng lực hạn chế, uy tín thấp, có sai phạm. Phát huy vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp và vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tham gia xây dựng đội ngũ cán bộ. Xác minh, xử lý kịp thời, đúng quy định của Đảng, pháp luật Nhà nước đối với các thông tin, dư luận xấu về cán bộ được phản ánh từ các tổ chức, cá nhân và phương tiện thông tin đại chúng. Tiếp tục đổi mới nội dung, đối tượng cần tập trung kiểm tra, giám sát theo hướng trọng tâm, trọng điểm; đẩy mạnh công tác tự kiểm tra, giám sát thường xuyên để chủ động phòng ngừa, khắc phục sai phạm; sát sao trong chỉ đạo chấp hành các kết luận kiểm tra, thông báo kết quả giám sát của cấp ủy. Giải quyết tốt những vụ việc bức xúc, nổi cộm, dư luận xã hội quan tâm.

Ban thường vụ và thường trực cấp ủy định kỳ tổ chức làm việc với ban thường vụ các đảng bộ trực thuộc để nắm tình hình, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho cơ sở. Thường trực cấp ủy chủ động xây dựng kế hoạch định kỳ làm việc với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp và tiếp xúc, đối thoại với Nhân dân. Các đồng chí ủy viên ban thường vụ cấp ủy các cấp chủ động dành thời gian đi cơ sở để nắm tình hình, giúp cơ sở tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

\*\*\*

Với tinh thần “Đoàn kết, kỷ cương, đổi mới, phát triển”, Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, lực lượng vũ trang và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh tiếp tục phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết, lòng yêu nước, “tinh thần và ý chí Điện Biên”, sáng tạo, chung sức đồng lòng vượt qua khó khăn, thách thức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra, hiện thực hóa khát vọng xây dựng Điện

Biên phát triển nhanh và bền vững, người dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, cùng cả nước bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên phát triển, thịnh vượng, hùng cường của dân tộc Việt Nam.

**PHỤ LỤC 01**  
**CÁC ĐỀ ÁN, CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM**

-----

**1. Lĩnh vực kinh tế - xã hội**

(1)- Kết luận của Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 07/5/2021 của Tỉnh ủy về phát triển du lịch tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

(2)- Kết luận của Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 29/7/2021 của Tỉnh ủy về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Điện Biên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

(3)- Kết luận của Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 29/7/2021 của Tỉnh ủy về cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2020- 2025, định hướng đến năm 2030.

(4)- Kết luận của Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 29/11/2021 của Tỉnh ủy về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, gắn với phát triển đô thị theo hướng hiện đại tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030.

(5)- Kết luận của Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU, ngày 10/12/2021 của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, gắn với thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững và an sinh xã hội tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2020- 2025, định hướng đến năm 2030.

(6)- Xây dựng Nghị quyết về phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp ứng dụng khoa học, công nghệ, xây dựng các chuỗi giá trị với hệ thống quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc gắn với xây dựng nông thôn mới tỉnh Điện Biên giai đoạn 2026- 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

(7)- Xây dựng Nghị quyết của Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Điện Biên đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh.

(8)- Xây dựng Đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Điện Biên đến năm 2030.

(9)- Xây dựng Đề án mở rộng, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035.

**2. Lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại**

(1)- Xây dựng Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2026-2030.

(2)- Thực hiện Đề án “Xây dựng Trụ sở làm việc của Ban CHQS cấp xã; xây

dựng lực lượng Dân quân thường trực và chốt chiến đấu của Dân quân thường trực các xã biên giới”.

(3)- Thực hiện Đề án hỗ trợ công tác đào tạo nghề và hỗ trợ việc làm cho thanh niên là hạ sĩ quan, chiến sĩ hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân xuất ngũ trở về địa phương giai đoạn 2025-2030.

(4)- Xây dựng Đề án “Xây dựng nền Biên phòng toàn dân, thế trận Biên phòng toàn dân trong nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân ở khu vực biên giới”.

### **3. Lĩnh vực xây dựng Đảng, hệ thống chính trị**

(1)- Kết luận của Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TU, ngày 18/11/2021 của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức trong tình hình mới.

(2)- Rà soát, tiếp tục thực hiện Đề án số 09-ĐA/TU, ngày 09/6/2023 của Tỉnh ủy về “Phát triển tổ chức đảng, đảng viên, góp phần xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030”.

(3)- Xây dựng Đề án của Tỉnh ủy về “Xây dựng, tạo nguồn cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý giai đoạn 2025-2030, định hướng đến 2035”.

(4)- Kết luận của Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 07/5/2021 của Tỉnh ủy về tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trong tình hình mới.

(5)- Xây dựng Nghị quyết của Tỉnh ủy về “tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận của cơ quan hành chính nhà nước và chính quyền các cấp trên địa bàn tỉnh Điện Biên đến năm 2030 và những năm tiếp theo”.

(6)- Xây dựng Nghị quyết của Tỉnh ủy về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động công tác dân vận của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

(7)- Xây dựng Nghị quyết của Tỉnh ủy về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và cải cách tư pháp trong tình hình mới.

(8)- Xây dựng Nghị quyết của Tỉnh ủy về đổi mới công tác lãnh đạo xây dựng và thi hành pháp luật.

---

**PHỤ LỤC 02**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU**  
**NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XIV,**  
**MỤC TIÊU ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XV**  
*(Kèm theo Báo cáo chính trị trình Đại hội XV Đảng bộ tỉnh Điện Biên)*

-----

| Stt      | Chỉ tiêu                                                  | Đơn vị tính | Nghị quyết Đại hội XIV | Thực hiện đến năm 2025 | So sánh với NQĐH XIV | Mục tiêu đến 2030 | Ghi chú |
|----------|-----------------------------------------------------------|-------------|------------------------|------------------------|----------------------|-------------------|---------|
| <b>A</b> | <b>Chỉ tiêu kinh tế - xã hội, môi trường</b>              |             |                        |                        |                      |                   |         |
| <b>1</b> | <b>Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP theo giá so sánh)</b> | Tỷ đồng     | 17.328                 | 17.970                 | 103,71%              | 30.280            |         |
|          | Tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021-2025            | %/ năm      | 7,00                   | 8,76                   | 1,76                 | 11                |         |
|          | Bình quân GRDP/đầu người                                  | Triệu đồng  | 60                     | 54                     | 89,79%               | 114,36            |         |
|          | Năng suất lao động (theo giá hiện hành)                   | Triệu đồng  |                        | 94,07                  |                      | 192,48            |         |
| <b>2</b> | <b>Cơ cấu GRDP</b>                                        |             |                        |                        |                      |                   |         |
|          | Nông, lâm nghiệp và thủy sản                              | %           | 16,42                  | 13,65                  |                      | 9,64              |         |
|          | Công nghiệp và xây dựng                                   | %           | 21,35                  | 23,12                  |                      | 27,15             |         |
|          | Dịch vụ                                                   | %           | 59,92                  | 59,11                  |                      | 59,45             |         |
|          | Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm                        | %           | 2,31                   | 4,12                   |                      | 3,76              |         |
| <b>3</b> | <b>Thu, chi ngân sách, tổng vốn đầu tư toàn xã hội</b>    |             |                        |                        |                      |                   |         |
|          | Tổng thu ngân sách địa phương                             | Tỷ đồng     | 14.000                 | 15.293                 | 109,23%              | 18.000            |         |
|          | Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh                  | Tỷ đồng     | 2.000                  | 2.062                  | 103,11%              | 5.000             |         |
|          | Tổng vốn đầu tư toàn xã hội                               | Tỷ đồng     | 95.000                 | 27.948                 | 100%                 | 231.000           |         |
| <b>4</b> | <b>Sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi</b>                    |             |                        |                        |                      |                   |         |
|          | Tổng sản lượng lương thực                                 | Nghìn tấn   | 280                    | 285                    | 101,79%              | 284               |         |
|          | Gia súc tăng bình quân                                    | %/năm       | 3,5                    | 2,6                    | -0,9                 | 3,0               |         |
|          | Giá trị sản xuất Nông nghiệp (theo giá so sánh năm 2010)  | Tỷ đồng     |                        | 4.735                  |                      | 5.683,7           |         |

| Stt | Chỉ tiêu                                                                                              | Đơn vị tính      | Nghị quyết Đại hội XIV | Thực hiện đến năm 2025 | So sánh với NQĐH XIV | Mục tiêu đến 2030 | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------------|------------------------|----------------------|-------------------|---------|
|     | <i>Giá trị tăng thêm ngành Nông nghiệp (theo giá năm 2010)</i>                                        | <i>Tỷ đồng</i>   |                        | 2.620                  |                      | 3.057             |         |
| 5   | <b>Sản xuất công nghiệp</b>                                                                           |                  |                        |                        |                      |                   |         |
|     | <i>Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP</i>                                                                | %                |                        | 115,32                 |                      | 118,52            |         |
|     | Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá so sánh năm 2010)                                              | %                | 10-12                  | 10,69                  |                      |                   |         |
| 6   | Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng                                               | Tỷ đồng          | 24.700                 | 27.500                 | 111,34%              | 53.000            |         |
|     | <i>Tổng giá trị xuất, nhập khẩu</i>                                                                   | <i>Triệu USD</i> | 140                    | 140                    | 100%                 | 248               |         |
|     | Giá trị xuất khẩu hàng hóa                                                                            | Triệu USD        | 95                     | 95                     | 100%                 | 153               |         |
|     | <i>Giá trị nhập khẩu hàng hóa</i>                                                                     | <i>Triệu USD</i> | 45                     | 45                     | 100%                 | 95                |         |
| 7   | <b>Phát triển du lịch</b>                                                                             |                  |                        |                        |                      |                   |         |
|     | Tổng số khách du lịch                                                                                 | Nghìn lượt người | 1.300                  | 1.450                  | 111,54%              | 2.650             |         |
|     | Doanh thu từ du lịch                                                                                  | Tỷ đồng          | 2.400                  | 2.400                  | 100%                 | 5.000             |         |
| 8   | <b>Chỉ tiêu dân số</b>                                                                                |                  |                        |                        |                      |                   |         |
|     | Dân số trung bình                                                                                     | Vạn người        | 66                     | 66,7                   | 101,06%              | 71,6              |         |
|     | Tốc độ tăng dân số hằng năm                                                                           | %                | 1,65                   | 1,61                   | -0,04                | 1,53              |         |
|     | <i>Tuổi thọ trung bình</i>                                                                            | <i>Tuổi</i>      | 72                     | 70                     | 97,22%               | 73                |         |
| 9   | <b>Lao động, việc làm</b>                                                                             |                  |                        |                        |                      |                   |         |
|     | Số lao động được tạo việc làm                                                                         | Lao động/năm     | 8.700                  | 9.200                  | 113,5%               | Từ 8.800 - 9.000  |         |
|     | Đào tạo giáo dục nghề nghiệp                                                                          | Lao động/năm     | 8.000-8.300            | 8.500                  | 107,6%               | Từ 8.500 trở lên  |         |
|     | <i>Tỷ lệ lao động qua đào tạo trong tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế</i>              | %                | 65-70                  | 65                     |                      | >70               |         |
|     | <i>Tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 3 tháng trở lên có văn bằng, chứng chỉ công nhận kết quả đào tạo</i> | %                | 40                     | 40                     |                      | >55               |         |

| Stt | Chỉ tiêu                                                        | Đơn vị tính | Nghị quyết Đại hội XIV | Thực hiện đến năm 2025 | So sánh với NQĐH XIV | Mục tiêu đến 2030 | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------|-------------|------------------------|------------------------|----------------------|-------------------|---------|
|     | <i>Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị</i>                      | %           | < 2,5                  | <2,5                   |                      | <2,5              |         |
| 10  | <b>Giảm nghèo*</b>                                              |             |                        |                        |                      |                   |         |
|     | Tỷ lệ hộ nghèo                                                  | %           | <16                    | 17,66                  |                      |                   |         |
|     | Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo                                         | %/năm       | 2,93                   | 3,97                   | 1,04                 | 3                 |         |
| 11  | <b>Y tế và bảo vệ trẻ em</b>                                    |             |                        |                        |                      |                   |         |
|     | <i>Tỷ lệ bác sĩ/ 1 vạn dân</i>                                  | Bác sĩ      | 13                     | 13                     | 100%                 | 14                |         |
|     | <i>Số giường bệnh/ 1 vạn dân</i>                                | Giường      | 32                     | 32,1                   | 100,31%              | 36,2              |         |
|     | <i>Tỷ lệ xã, xã phường có bác sĩ</i>                            | %           |                        | 100                    |                      |                   |         |
|     | Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã               | %           | 95                     | 95,3                   | 0,3                  | 100               |         |
|     | <i>Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe</i>                       | %           | >90                    | 50,10                  | -39,90               | >95               |         |
|     | Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế                          | %           | 99                     | 98                     | -1                   | >98               |         |
| 12  | <b>Giáo dục</b>                                                 |             |                        |                        |                      |                   |         |
|     | Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia                                 | %           | 75                     | 82,33                  | 7,33                 | 85                |         |
|     | Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục                        | %           | 70                     | 84,27                  | 14,27                | 85                |         |
|     | Phổ cập giáo dục tiểu học, THCS mức độ 3                        | %           | Đạt chuẩn              | Đạt chuẩn              | 100%                 |                   |         |
|     | <i>Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT</i>                           | %           | 97                     | 99,8                   | 2,8                  |                   |         |
| 13  | <b>Văn hóa, thể thao, phát thanh - truyền hình</b>              |             |                        |                        |                      |                   |         |
|     | Tỷ lệ hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa                             | %           | 72                     | 75,8                   | 3,8                  | 78                |         |
|     | Tỷ lệ thôn, bản, tổ dân phố văn hóa                             | %           | 65                     | 65,3                   | 0,3                  | 70                |         |
|     | Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp công nhận đạt chuẩn văn hóa | %           | 93                     | 95                     | 2                    | 95                |         |
|     | <i>Tỷ lệ thôn, bản, tổ dân phố có nhà sinh hoạt cộng đồng</i>   | %           | 44                     | 60                     | 16                   | 70                |         |
| 14  | Cấp huyện hoàn thành xây dựng nông thôn mới                     | Cấp huyện   | 02                     | 02                     | 100%                 |                   |         |
|     | Tỷ lệ số xã đạt chuẩn và cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới         | %           | 45                     | 46,96                  | 1,96                 | 60                |         |

| Stt      | Chỉ tiêu                                                    | Đơn vị tính | Nghị quyết Đại hội XIV | Thực hiện đến năm 2025 | So sánh với NQĐH XIV | Mục tiêu đến 2030 | Ghi chú             |
|----------|-------------------------------------------------------------|-------------|------------------------|------------------------|----------------------|-------------------|---------------------|
|          | Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu | Xã          | 02                     | 06                     | 300%                 |                   |                     |
| 15       | <b>Cơ sở hạ tầng thiết yếu</b>                              |             |                        |                        |                      |                   |                     |
|          | Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm đi lại được quanh năm  | %           | 100                    | 96,9                   | -3,1                 | 100               |                     |
|          | Trạm y tế có cơ sở hạ tầng đảm bảo quy định của Bộ Y tế     | %           | 100                    | 100                    |                      |                   |                     |
|          | Phòng học được được kiên cố hoá                             | %           | 100                    | 78                     | -22                  | 100               |                     |
|          | Phòng nội trú được kiên cố hoá                              | %           | 90                     | 60,7                   | -29,3                | 100               |                     |
|          | Tỷ lệ đường giao thông cấp huyện được cứng hóa              | %           | 100                    | 100                    |                      |                   |                     |
|          | Tỷ lệ đường giao thông cấp xã được nhựa hoá, bê tông hoá    | %           | 75                     | 75                     |                      | 100               |                     |
|          | Tỷ lệ hộ được dùng điện                                     | %           | 98                     | 96,2                   | -1,8                 | 99                |                     |
|          | Tỷ lệ xã có lưới điện quốc gia                              | %           | 100                    | 100                    | 100                  |                   |                     |
|          | Tỷ lệ xã, phường có đài truyền thanh                        | %           | 100                    | 100                    | 100                  |                   |                     |
| 16       | <b>Chỉ tiêu môi trường</b>                                  |             |                        |                        |                      |                   |                     |
|          | Tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh     | %           | 85                     | 92,65                  | 7,65                 | 100               |                     |
|          | Tỷ lệ người dân thành thị được cung cấp nước sạch           | %           | 100                    | 99,8                   | -0,2                 |                   |                     |
|          | Tỷ lệ che phủ rừng                                          | %           | 45,5                   | 45,5                   | -                    | 48                |                     |
|          | Thu gom chất thải rắn ở đô thị                              | %           | 88                     | 96                     | 8                    | 96,5              |                     |
| <b>B</b> | <b>Chỉ tiêu xây dựng đảng</b>                               |             |                        |                        |                      |                   |                     |
| 17       | Tổ chức đảng và đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ           | %/năm       | 85-90                  | >85                    | -                    | >90               |                     |
|          | Cơ sở đảng yếu kém (không hoàn thành nhiệm vụ)              | %/năm       | <5                     | <5                     | -                    |                   |                     |
|          | Kết nạp đảng viên mới bình quân năm                         | Đảng viên   | 2.500                  | 2.500                  | 100                  | 3-4%              |                     |
|          | Thôn, bản có đảng viên và thành lập chi bộ độc lập          | %           | 100                    | 100                    | -                    |                   | Hoàn thành năm 2024 |

| Stt | Chỉ tiêu                                                      | Đơn vị tính | Nghị quyết Đại hội XIV | Thực hiện đến năm 2025 | So sánh với NQĐH XIV | Mục tiêu đến 2030 | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------------------|-------------|------------------------|------------------------|----------------------|-------------------|---------|
| 18  | <i>Cán bộ lãnh đạo, quản lý từ trưởng, phó phòng trở lên:</i> |             |                        |                        |                      |                   |         |
|     | Có trình độ từ đại học trở lên                                | %           | 100                    | 100                    | -                    | 100               |         |
|     | Được đào tạo lý luận chính trị, bồi dưỡng về quản lý nhà nước | %           | 100                    | 100                    | -                    | 100               |         |
|     | <i>Cán bộ công chức cấp xã:</i>                               |             |                        |                        |                      |                   |         |
|     | Cán bộ chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị | %           | 100                    | 100                    | -                    |                   |         |
|     | Được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ                 | %           | 100                    | 100                    | -                    |                   |         |

*Ghi chú:* Kết quả ước năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 12,73% vượt MTNQ (dưới 16%) theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020 (*Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg, ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ*). Theo chuẩn nghèo đa chiều mới giai đoạn 2021-2025 (*Nghị định số 07/2021/NĐ-CP, ngày 27/01/2021 của Chính phủ*), ước năm 2025 giảm xuống còn 17,66%, chưa đạt MTNQ. Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2021-2025 giảm 17,24%, bình quân 3,97%/năm so với MTNQ là 2,93%/năm.